

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5185 /SNV-XDCQ
V/v xây dựng tài liệu, cử báo cáo viên
tập huấn các văn bản triển khai
thi hành Luật Thủ đô
số 02/2026/QH16

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Sở Sở Tư pháp

Thực hiện Công văn số 4294/STP-PBGDPL ngày 10/7/2026 của Sở Tư pháp về việc đơn đốc xây dựng tài liệu, cử báo cáo viên tập huấn các văn bản triển khai thi hành Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Sở Nội vụ đã xây dựng tài liệu chuyên đề pháp luật phục vụ công tác tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu các chính sách thuộc lĩnh vực Nội vụ và lập danh sách cử báo cáo viên tham gia triển khai thi hành Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 (*Chi tiết tại Phụ lục I, II gửi kèm*).

Trân trọng đề nghị Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc Sở (để b/c);
- Đ/c PGĐ Nguyễn Xuân Lương;
- Lưu: VT, XDCQ(H.Yến).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Lương

PHỤ LỤC 01

Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật để tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu các chính sách thuộc lĩnh vực Nội vụ triển khai thi hành

Luật Thủ đô số 02/2026/QH16

(Kèm theo Công văn số /SNV-XDCQ ngày /7/2026 của Sở Nội vụ)

I. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND Thành phố Quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm c khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND).

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

(1) Cơ sở pháp lý:

- Tại điểm c khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 quy định Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền: “Quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố phù hợp với mức độ đô thị hóa, điều kiện thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô”.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

- Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15.

- Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

- Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 11/5/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành Luật Thủ đô.

(2) Cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, là địa bàn trực tiếp để Nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở, tham gia quản lý xã hội, xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường và phối hợp với chính quyền cấp xã giải quyết các công việc liên quan trực tiếp đến đời sống dân cư. Trong điều kiện Thủ đô có quy mô dân số lớn, tốc độ đô thị hóa nhanh, địa bàn dân cư đa dạng và khối lượng công việc ở cơ sở ngày càng tăng, vai trò của thôn, tổ dân phố và đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ngày càng quan trọng.

Việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp làm thay đổi căn bản thẩm quyền, quy trình quản lý và phương thức phối hợp giữa chính quyền cấp xã với thôn, tổ dân phố. Các quy định trước đây được ban hành trong bối cảnh còn cấp huyện, tiêu chí quy mô dân cư thấp hơn, chưa quy định đầy đủ cơ chế phân cấp cho cấp xã, chưa bao quát yêu cầu chuyển đổi số, quản trị cộng đồng và bảo đảm chế độ, chính sách mới đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Thực tế trên địa bàn Thành phố cho thấy quy mô giữa các thôn, tổ dân phố còn chênh lệch; một số địa bàn không bảo đảm tiêu chí, đầu mối phân tán, khó bố trí nhân sự và nguồn lực; trong khi một số khu đô thị, khu dân cư mới, địa bàn trọng điểm hoặc khu vực có yếu tố lịch sử, văn hóa, dân tộc, miền núi có tính chất đặc thù cần cơ chế tổ chức linh hoạt. Việc sắp xếp phải đồng thời bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, dân chủ, đồng thuận, không làm gián đoạn hoạt động của cộng đồng dân cư và việc phục vụ Nhân dân.

Bên cạnh đó, cần quy định đồng bộ về chức danh, số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quỹ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đào tạo, bồi dưỡng; xử lý các trường hợp nghỉ do sắp xếp, tổ chức lại và các vấn đề chuyển tiếp. Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND là cần thiết, đúng thẩm quyền và đáp ứng yêu cầu quản trị cơ sở của Thủ đô trong giai đoạn mới.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

- Cụ thể hóa đầy đủ thẩm quyền đặc thù của Hội đồng nhân dân Thành phố tại điểm c khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô; hoàn thiện cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, khả thi về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn Hà Nội.

- Khẳng định thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải cấp hành chính; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, quản lý trực tiếp của chính quyền cấp xã và cơ chế phối hợp của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng ở cơ sở.

- Phân cấp mạnh cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã trong thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; bảo đảm cấp gần dân, sát dân chủ động xử lý công việc, gắn với công khai, lấy ý kiến, tiếp thu, giải trình và giám sát của Nhân dân.

- Tạo cơ sở để sắp xếp thôn, tổ dân phố theo hướng tinh gọn, hợp lý, phù hợp quy mô hộ gia đình, đặc điểm địa bàn, tốc độ đô thị hóa và yêu cầu quản lý; đồng thời có cơ chế xử lý các địa bàn đặc thù của Thủ đô.

- Chuẩn hóa tiêu chuẩn, quy trình bầu, công nhận, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; nâng cao chất lượng, trách nhiệm và tính đại diện của đội ngũ trực tiếp tổ chức hoạt động cộng đồng dân cư.

- Bảo đảm chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; khuyến khích kiêm nhiệm hợp lý, nâng cao chất lượng hoạt động, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản trị cơ sở.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 26 điều, được bố cục thành 05 chương, quy định toàn diện

về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên; chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Chương II. Tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố.

Điều 5. Hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 7. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 8. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 9. Tổ chức cuộc họp để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 10. Phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình trong trường hợp cuộc họp không đủ điều kiện để đạt tỷ lệ thông qua.

Điều 11. Công nhận kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 12. Các trường hợp cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 13. Tổ chức cuộc họp cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Chương III. Thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

Điều 14. Nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố.

Điều 15. Thẩm quyền thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

Điều 16. Tiêu chí của thôn, tổ dân phố.

Điều 17. Thành lập thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc biệt.

Điều 18. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

Điều 19. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

Chương IV. Số lượng, chức danh và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Điều 20. Số lượng, chức danh.

Điều 21. Quỹ phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Điều 22. Quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Chương V. Tổ chức thực hiện

Điều 23. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Điều 24. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Điều 25. Hiệu lực thi hành.

Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp.

5. Một số điểm mới, nội dung trọng tâm của Nghị quyết

(1) Xác định rõ vị trí, bản chất và mô hình tổ chức thôn, tổ dân phố: Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải cấp hành chính. Thông thường thôn được tổ chức ở xã, tổ dân phố được tổ chức ở phường; đối với địa bàn có yếu tố đặc thù của Thủ đô, Hội đồng nhân dân cấp xã có thể quyết định tổ chức thôn trong phường hoặc tổ dân phố trong xã trên cơ sở điều kiện cư trú, lịch sử hình thành, mức độ đô thị hóa, quy hoạch, hạ tầng, phong tục, tập quán, ý kiến Nhân dân và ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp. Việc này không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính cấp xã.

(2) Phân định rõ hoạt động tự quản và hoạt động phối hợp, hỗ trợ chính quyền cấp xã: Nghị quyết quy định cụ thể các nội dung cộng đồng dân cư bàn, quyết định và tổ chức thực hiện; các nhiệm vụ phối hợp tuyên truyền, phản ánh kiến nghị, hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh, trật tự. Đồng thời, bổ sung yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cập nhật dữ liệu và hỗ trợ Nhân dân sử dụng nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến.

(3) Hoàn thiện tổ chức, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn nhân sự ở thôn, tổ dân phố: Mỗi thôn có Trưởng thôn và từ 01 đến 02 Phó Trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng và từ 01 đến 02 Phó Tổ trưởng. Địa bàn có từ 800 hộ đối với thôn, từ 1.000 hộ đối với tổ dân phố hoặc thuộc nhóm địa bàn đặc thù theo Nghị quyết được bố trí tối đa 02 Phó. Nhiệm kỳ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm; thời gian cử lâm thời không quá 12 tháng. Tiêu chuẩn chung gồm độ tuổi từ đủ 21 đến không quá 70 tuổi, ưu tiên người trong độ tuổi lao động; trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông, trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, có cơ chế xử lý trường hợp đặc thù về nguồn nhân sự.

(4) Chuẩn hóa quy trình bầu, công nhận và cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: Quy định rõ các mốc chuẩn bị bầu; trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ban công tác Mặt trận và Tổ bầu cử; cho phép tổ chức họp theo cụm dân cư đối với địa bàn đông hộ, rộng, không tập trung. Hình thức biểu quyết do cuộc họp lựa chọn bằng giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Người trúng cử phải được trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành; Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận kết quả trong thời hạn 05 ngày làm việc. Việc phát phiếu lấy ý kiến chỉ áp dụng khi cuộc họp không đủ điều kiện đạt tỷ lệ thông qua, không được sử dụng thay thế ngay từ đầu cho cuộc họp cộng đồng dân cư.

(5) Phân cấp thẩm quyền và nâng tiêu chí quy mô thôn, tổ dân phố: Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên và ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ, công khai phương án, lấy ý kiến Nhân dân tối thiểu 07 ngày, tổng hợp, tiếp thu, giải trình và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp. Tiêu chí quy mô là thôn từ 500 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố từ 700 hộ gia đình trở lên; địa bàn đặc thù có thể thấp hơn nhưng phải có phương án, báo cáo giải trình cụ thể và do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định, không được tự đặt tiêu chí mới ngoài khung Nghị quyết.

(6) Quy định thống nhất 04 nhóm chức danh, số lượng không quá 05 người: Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm: Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Bí thư chi bộ; Trưởng Ban công tác Mặt trận; Phó Trưởng thôn hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố. Tổng số người ở mỗi thôn, tổ dân phố không quá 05 người; việc bố trí phải căn cứ quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn, tính chất phức tạp, khối lượng công việc và không thực hiện bình quân, cào bằng.

(7) Nâng quỹ phụ cấp và quy định rõ cơ cấu phụ cấp theo từng chức danh: Đối với thôn từ 800 hộ, tổ dân phố từ 1.000 hộ hoặc thuộc nhóm địa bàn đặc thù theo Nghị quyết, quỹ phụ cấp hằng tháng bằng 12,0 lần mức lương cơ sở; cơ cấu gồm Bí thư chi bộ 2,8; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng 2,8; Trưởng Ban công tác Mặt trận 2,4; Phó Trưởng thôn hoặc Phó Tổ trưởng 2,0 lần mức lương cơ sở/người, tối đa 02 người. Các địa bàn còn lại áp dụng quỹ 9,0 lần mức lương cơ sở; cơ cấu tương ứng là 2,5; 2,5; 2,15 và 1,85 lần mức lương cơ sở đối với 01 Phó. Người hoạt động không chuyên trách được kiêm nhiệm không quá 01 chức danh khác và hưởng 100% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế không tính trong quỹ phụ cấp nêu trên.

(8) Bảo đảm đào tạo, bảo hiểm và chính sách khi nghỉ do sắp xếp: Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng; được hưởng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác theo pháp luật. Người nghỉ do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố được xem xét hưởng chính sách tinh giản biên chế khi thuộc đúng đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục theo quy định của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

(9) Quy định chuyển tiếp đầy đủ, bảo đảm không gián đoạn hoạt động cộng đồng dân cư: Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/7/2026; xử lý chuyển tiếp đối với mô hình thôn trong phường, tổ dân phố trong xã; người hoạt động không chuyên trách cấp xã được bố trí về thôn, tổ dân phố từ ngày 01/7/2025 đến trước ngày 30/6/2026; việc đóng, truy đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc; chuyển chức danh Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố sang người hoạt động không chuyên trách; và các trường hợp đang giữ chức danh nhưng chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn mới. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát, bố trí, hướng dẫn phù hợp, bảo đảm quyền lợi và không làm gián đoạn hoạt động ở cơ sở./.

II. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội về quy định về điều kiện, thủ tục tặng, thu hồi danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô”, “Công dân Thủ đô ưu tú” (thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của HĐND thành phố Hà Nội Quy định về điều kiện, thủ tục tặng, thu hồi danh hiệu “Công dân danh dự Thủ đô”, “Công dân Thủ đô ưu tú”.

Đây là Nghị quyết được ban hành nhằm cụ thể hóa quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô năm 2026, đồng thời thống nhất quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét tặng và thu hồi danh hiệu "Công dân Thủ đô ưu tú" và danh hiệu "Công dân danh dự Thủ đô" trong cùng một văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

(1) Cơ sở pháp lý:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;
- Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022;
- Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23 tháng 4 năm 2026, đặc biệt là điểm b khoản 1 Điều 15 giao Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về điều kiện, thủ tục tặng, thu hồi danh hiệu "Công dân danh dự Thủ đô", "Công dân Thủ đô ưu tú";
- Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng và quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
- Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

(2) Cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

Qua quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố về danh hiệu "Công dân danh dự Thủ đô" và Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế xét tặng danh hiệu "Công dân Thủ đô ưu tú", bên cạnh những kết quả đạt được, một số quy định đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, cần được rà soát, sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Thủ đô năm 2026, pháp luật hiện hành về thi đua, khen thưởng và yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới. Cụ thể:

- Luật Thủ đô năm 2026 giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định thống nhất điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét tặng và thu hồi danh hiệu "Công dân Thủ đô ưu tú" và danh hiệu "Công dân danh dự Thủ đô". Do đó, cần ban hành một Nghị quyết để thay thế các quy định hiện hành, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật.

- Một số quy định về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ, trình tự, thủ tục xét tặng và thu hồi danh hiệu cần được sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm thống nhất với Luật Thi đua, khen thưởng, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phát hiện, giới thiệu, lựa chọn, xét tặng và tôn vinh các cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc, có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển Thủ đô.

- Bổ sung, hoàn thiện các tiêu chuẩn xét tặng theo hướng phản ánh đầy đủ yêu cầu phát triển của Thủ đô trong giai đoạn mới, nhất là các nội dung về đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, quản trị đô thị hiện đại, phát triển xanh, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

- Quy định cụ thể hơn trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc phát hiện, giới thiệu, thẩm định, trình xét tặng và thu hồi danh hiệu; tăng cường công khai, minh bạch, khách quan, bảo đảm việc xét tặng đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác xét tặng thông qua việc tiếp nhận, quản lý hồ sơ điện tử, liên thông dữ liệu và đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Từ những cơ sở nêu trên, việc ban hành Nghị quyết quy định điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét tặng và thu hồi danh hiệu "Công dân Thủ đô ưu tú" và danh hiệu "Công dân danh dự Thủ đô" là cần thiết, nhằm cụ thể hóa quy định của Luật Thủ đô năm 2026, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đồng thời đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng công tác thi đua, khen thưởng của thành phố Hà Nội trong giai đoạn mới.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô năm 2026; quy định thống nhất điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét tặng và thu hồi danh hiệu "Công dân Thủ đô ưu tú" và danh hiệu "Công dân danh dự Thủ đô", tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ và thống nhất để tổ chức thực hiện trên địa bàn thành phố.

Nghị quyết được ban hành có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thiện cơ chế phát hiện, giới thiệu, xét chọn, tôn vinh và thu hồi danh hiệu đối với các cá nhân tiêu biểu, bảo đảm việc xét tặng được thực hiện công khai, minh bạch, khách quan, đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn; đồng thời nâng cao chất lượng, giá trị và sức lan tỏa của các danh hiệu vinh dự của Thủ đô.

Việc thực hiện Nghị quyết sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; khuyến khích, động viên các cá nhân tiếp tục cống hiến, phát huy tài năng, trí tuệ, tinh thần trách nhiệm và sức sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển Thủ đô. Đồng thời, tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển xanh, phát triển bền vững, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, mở rộng hội nhập quốc tế, góp phần xây dựng Thủ đô Hà Nội "Văn hiến - Văn

minh - Hiện đại", nâng cao uy tín, vị thế và sức hấp dẫn của Thủ đô trong nước và trên trường quốc tế.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 18 Điều, được bố cục thành 04 Chương, quy định đầy đủ về điều kiện, thủ tục tặng, thu hồi hai danh hiệu.

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện.

Điều 4. Thẩm quyền tặng, thu hồi.

Chương II. Điều kiện, thủ tục tặng, thu hồi danh hiệu "Công dân danh dự Thủ đô"

Điều 5. Điều kiện xét tặng.

Điều 6. Quy trình xét tặng và trách nhiệm của các địa phương, cơ quan, đơn vị đề xuất xét tặng.

Điều 7. Hồ sơ, thời gian đề nghị xét tặng.

Điều 8. Quyền lợi, trách nhiệm của cá nhân được tặng danh hiệu.

Điều 9. Tổ chức trao tặng.

Điều 10. Thu hồi danh hiệu.

Chương III. Điều kiện, thủ tục tặng, thu hồi danh hiệu "Công dân Thủ đô ưu tú"

Điều 11. Điều kiện xét tặng.

Điều 12. Quy trình xét tặng.

Điều 13. Hồ sơ, thời gian đề nghị xét tặng.

Điều 14. Quyền lợi, trách nhiệm.

Điều 15. Tổ chức trao tặng.

Điều 16. Thu hồi danh hiệu.

Chương IV. Điều khoản thi hành

Điều 17. Tổ chức thực hiện.

Điều 18. Hiệu lực thi hành.

5. Một số điểm mới của Nghị quyết

So với các quy định trước đây, Nghị quyết có một số nội dung mới như sau:

(1) Quy định thống nhất trong một Nghị quyết về điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét tặng và thu hồi danh hiệu "Công dân Thủ đô ưu tú" và danh hiệu "Công dân danh dự Thủ đô", bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô năm 2026 và thống nhất trong tổ chức thực hiện.

(2) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng theo hướng cụ thể, rõ ràng, phù hợp với yêu cầu phát triển của Thủ đô trong

giai đoạn mới; khuyến khích các cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, quản trị đô thị hiện đại, phát triển xanh, phát triển bền vững, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, hội nhập quốc tế và các lĩnh vực có đóng góp nổi bật cho sự phát triển của Thủ đô.

(3) Bổ sung cơ chế chủ động phát hiện cá nhân tiêu biểu, cho phép Sở Nội vụ chủ động đề xuất hoàn thiện hồ sơ đối với các trường hợp có thành tích xuất sắc.

(4) Bổ sung các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tiếp nhận, quản lý, thẩm định hồ sơ và giải quyết thủ tục xét tặng, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng.

(5) Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đề nghị xét tặng và trách nhiệm thẩm định của Sở Nội vụ nhằm bảo đảm tính chính xác, khách quan và minh bạch./.

III. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 50/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố Quy định số lượng, việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác; số lượng, cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm b, điểm d khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 50/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố Quy định số lượng, việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác; số lượng, cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

(1) Cơ sở pháp lý:

- Tại điểm b khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 quy định: “Quyết định số lượng và cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố; quy định số lượng và cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã”.

- Tại điểm d khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 quy định: “Quy định số lượng, việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; quyết định thay đổi tên gọi, điều chỉnh chức năng của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố”.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15.

- Nghị định số 300/2025/NĐ-CP ngày 17/11/2025 của Chính phủ quy định khung số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, số lượng và cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân; trình tự, thủ tục đề nghị phê chuẩn kết quả Hội đồng nhân dân bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; trình tự, thủ tục điều động, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

- Nghị định số 121/2026/NĐ-CP ngày 03/4/2026 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính.

(2) Cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ của cả nước. Thành phố Hà Nội hiện nay vận hành với tư cách là một đô thị loại đặc biệt, một siêu đô thị có quy mô dân số thực tế đã vượt trên 10 triệu người, đi kèm tốc độ đô thị hóa, hội nhập kinh tế và gia tăng cơ học về dân cư diễn ra vô cùng mạnh mẽ. Thực tiễn quản lý nhà nước trên địa bàn Thủ đô cho thấy, các vấn đề về hạ tầng kỹ thuật, giao thông, môi trường, an sinh xã hội, an ninh trật tự tại một số địa bàn trung tâm hoặc các khu vực đang phát triển có tính chất phức tạp vượt xa mức bình quân chung của cả nước. Do đó, việc áp dụng nguyên khuôn mẫu, cấu trúc tổ chức bộ máy và biên chế tương đồng với các địa phương khác đã không còn tương thích, tạo ra lực cản và sự bất cập lớn đối với yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của Thủ đô.

a) Đối với chính quyền cấp Thành phố:

- Số lượng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố: Thành phố Hà Nội hiện có 15 Sở, 02 tổ chức hành chính. Mô hình và số lượng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định khung chung của Chính phủ hiện chưa bao quát hết hoặc chưa thể chuyên môn hóa sâu đối với các lĩnh vực quản lý đặc thù, mới phát sinh (như quản trị đô thị thông minh, phát triển không gian ngầm, điều phối liên vùng, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; giải quyết các điểm nghẽn của Thành phố...). Khối lượng hồ sơ hành chính, văn bản chỉ đạo điều hành mà cơ quan chuyên môn và các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố phải gánh vác là cực kỳ lớn, dẫn đến tình trạng quá tải cục bộ, kéo dài thời gian xử lý công việc. Thực tiễn này đòi hỏi phải có một cơ chế linh hoạt, cho phép quy định khung số lượng tổ chức hành chính; quyết định thay đổi tên gọi, điều chỉnh chức năng của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc phạm vi quản lý toàn Thành phố.

- Số lượng Ủy viên UBND Thành phố: Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 300/2025/NĐ-CP ngày 17/11/2025 của Chính phủ, Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy viên phụ trách quân sự, Ủy viên phụ trách công an.

Thực tế hiện nay, cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố thường bao gồm toàn bộ Giám đốc sở, ngành là thành viên Ủy ban. Cách tổ chức này bảo đảm tính bao quát, nhưng đồng thời dẫn đến tình trạng nhiều nội dung xin ý kiến tập thể Ủy ban nhân dân Thành phố không trực tiếp liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của một số sở, ngành; làm kéo dài quy trình xử lý công việc, giảm tính linh hoạt và kịp thời trong quyết sách.

Do đó, cần thiết quy định số lượng và cơ cấu Ủy viên theo hướng không mặc định tất cả Giám đốc sở đều là Ủy viên Ủy ban nhân dân, mà xác định thành phần trên cơ sở yêu cầu quản lý, tính chất đô thị đặc biệt của Thủ đô và khối lượng, phạm vi công việc thực tế, sẽ góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao trách nhiệm cá nhân, tăng hiệu quả thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền tập thể Ủy ban nhân dân.

b) Đối với chính quyền cấp xã:

- Số lượng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp xã: Hiện nay, số lượng phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã hiện nay còn chưa phù hợp, chưa đáp ứng với yêu cầu thực tiễn sau sắp xếp. Thực hiện phân cấp kinh tế - xã hội; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và thực hiện ủy quyền giải quyết TTHC theo hướng tăng cường cho cấp xã - là nơi gần dân, sát dân, thực hiện kịp thời các vấn đề dân sinh bức xúc trên địa bàn nên khối lượng công việc cần giải quyết của các phòng chuyên môn rộng, lớn. Nhiều lĩnh vực chuyên môn đòi hỏi tính chuyên môn sâu; tính khác biệt về chuyên môn nên rất khó bố trí Trưởng phòng có đủ kiến thức, kinh nghiệm để lãnh đạo, chỉ đạo, thẩm tra, thẩm định, tham mưu toàn diện các nhiệm vụ của phòng; dễ dẫn đến buông lỏng, bỏ sót nhiệm vụ hoặc sai phạm trong quá trình tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại địa phương. Mặt khác, Thành phố đang rà soát, dự kiến thực hiện mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công 02 cấp, xác định Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã là 01 tổ chức hành chính thuộc UBND cấp xã.

Do vậy, việc tăng khung số lượng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp xã là rất cần thiết hiện nay.

- Số lượng Ủy viên UBND cấp xã: Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã gồm người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu lĩnh vực: Văn phòng, Tài chính, Nội vụ; Ủy viên phụ trách quân sự; Ủy viên phụ trách công an.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

- Cụ thể hóa các cơ chế, chính sách đặc thù, thí điểm được giao tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16. Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức phù hợp với vị thế và đặc thù phát triển của Thủ đô trong giai đoạn mới.

- Tạo cơ sở pháp lý vững chắc để chủ động định biên số lượng, cơ cấu thành viên UBND và số lượng tổ chức hành chính ở cả 02 cấp quản lý. Qua đó, giải quyết triệt để tình trạng quá tải công việc, đáp ứng yêu cầu quản trị siêu đô thị.

- Tăng cường năng lực chỉ đạo, điều hành của chính quyền cơ sở, hướng tới chuyên môn hóa sâu, rút ngắn quy trình thủ tục hành chính và nâng cao tối đa chất lượng phục vụ nhân dân.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 15 Điều, được bố cục thành 04 Chương, quy định số lượng, việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác; số lượng, cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Chương II. Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội

Điều 3. Số lượng các tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội

Điều 4. Nguyên tắc thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Điều 5. Điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính

Điều 6. Trình tự, thủ tục đối với tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố

Điều 7. Thành phần hồ sơ đối với tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố

Điều 8. Trình tự, thủ tục đối với tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

Điều 9. Thành phần hồ sơ đối với tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

Chương III. Số lượng, cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã

Điều 10. Số lượng, cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố

Điều 11. Số lượng, cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã

Điều 12. Thành phần hồ sơ bầu Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã

Chương IV. Điều khoản thi hành

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

5. Một số điểm mới của Nghị quyết

(1) Mở rộng khung số lượng tổ chức hành chính so với quy định của Chính phủ hiện hành: Quy định khung số lượng cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc UBND các cấp; theo đó, cấp Thành phố có không quá 18 cơ quan chuyên môn và 03 tổ chức hành chính khác, cấp xã có không quá 05 cơ quan chuyên môn và 02 tổ chức hành chính khác, làm cơ sở để chủ động sắp xếp tổ chức bộ máy phù hợp yêu cầu phát triển của Thủ đô.

(2) Tinh gọn cơ cấu Ủy viên UBND các cấp: Quy định số lượng, cơ cấu Ủy viên UBND Thành phố và Ủy viên UBND cấp xã; trong đó, UBND Thành phố có không quá **06** Ủy viên, gồm người đứng đầu các cơ quan tham mưu về Văn phòng, Tài chính, Nội vụ, Tư pháp, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô và Giám đốc Công an Thành phố; UBND cấp xã có không quá **05** Ủy viên theo quy định của Nghị quyết.

(3) Chuẩn hóa trình tự, thủ tục nội bộ theo cơ chế đặc thù:

- Thiết lập quy trình chủ động, rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ thành lập/tổ chức lại tổ chức hành chính cấp Thành phố (**05 ngày làm việc**) và cấp xã (**03 ngày làm việc**) do cơ quan chuyên môn về lĩnh vực nội vụ chủ trì, tạo sự thông suốt cho nền hành chính.

- Đột phá với nguyên tắc “kế thừa dữ liệu” trong quản lý cán bộ: Đối với hồ sơ bầu Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp Thành phố và cấp xã, đề xuất loại bỏ triệt để các thủ tục rườm rà không cần thiết. Các văn bản có tính chất xác minh cố định (như Sơ yếu lý lịch, văn bản thẩm tra lý lịch, văn bằng, chứng chỉ) và các tài liệu có kỳ hạn (như Bản kê khai tài sản, thu nhập) đều đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, lưu trữ chính thức trong hồ sơ bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo trước đó. Do vậy, việc bắt buộc nộp lại các thành phần này tại bước đề nghị công nhận Ủy viên Ủy ban nhân dân là không cần thiết, giúp tối giản hồ sơ và giảm tải áp lực giấy tờ./.

IV. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 51/2026/NĐ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố Hà Nội quy định về vị trí việc làm và biên chế các cơ quan trong hệ thống chính quyền Thành phố (Thực hiện điểm g, điểm h khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

1. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

(1) Cơ sở pháp lý:

- Tại điểm g khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 quy định Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về vị trí việc làm công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Thành phố. Tại điểm h khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 quy định Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định biên chế các cơ quan trong hệ thống chính quyền của Thành phố. Đây là hai thẩm quyền đặc thù, có nội dung riêng nhưng gắn chặt với nhau trong công tác quản lý biên chế và vị trí việc làm của Thủ đô.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và các quy định về mô hình chính quyền địa phương 02 cấp là căn cứ xác định phạm vi hệ thống chính quyền của Thành phố, bao gồm cấp Thành phố và cấp xã; đồng thời làm rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát trong quá trình xác định vị trí việc làm, giao và điều chỉnh biên chế, số lượng người làm việc.

- Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 là căn cứ pháp lý để quản lý công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước; làm cơ sở quy định nguyên tắc xác định vị trí việc làm công chức, tỷ lệ công chức, xếp ngạch công chức bố trí theo vị trí việc làm, nhu cầu bố trí công chức và biên chế công chức gắn với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, chất lượng đội ngũ.

- Luật Viên chức số 129/2025/QH15 là căn cứ pháp lý về viên chức, vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, quản lý và sử dụng viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập; làm cơ sở quy định việc xác định, rà soát vị trí việc làm viên chức và số lượng người làm việc gắn với mức độ tự chủ, định mức chuyên ngành, phạm vi cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, hiệu quả hoạt động và khả năng cân đối nguồn lực.

- Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về vị trí việc làm công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ trong phạm vi còn liên quan đến biên chế công chức là các căn cứ pháp lý để xây dựng nguyên tắc, trình tự, thủ tục phê duyệt vị trí việc làm chưa được Chính phủ và các Bộ, ngành quy định; đồng thời xác định tiêu chí rà soát, điều chỉnh biên chế công chức, số lượng người làm việc.

(2) Cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

Hà Nội là Thủ đô, trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, đô thị loại đặc biệt; đồng thời là trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế. Thành phố có quy mô dân số thường xuyên sinh sống và tạm trú khoảng 10 triệu người, mật độ dân cư cao, tốc độ đô thị hóa và gia tăng dân số cơ học lớn, yêu cầu quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công ngày càng phức tạp.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Thành phố có 126 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 51 phường và 75 xã, với 5.440 thôn, tổ dân phố. Việc vận hành mô hình mới làm thay đổi phạm vi quản lý, khối lượng và tính chất công việc ở cả cấp Thành phố và cấp xã; đặc biệt tại các địa bàn đô thị hóa nhanh, dân số lớn, địa bàn mới sáp nhập hoặc phát sinh nhiều nhiệm vụ quản lý nhà nước, cung ứng dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính, quản lý đất đai, trật tự xây dựng, môi trường, an sinh xã hội.

Về vị trí việc làm, các danh mục khung do Chính phủ và các Bộ, ngành ban hành là cơ sở quản lý thống nhất trong toàn quốc. Tuy nhiên, thực tiễn quản trị Thủ đô phát sinh một số nhiệm vụ có tính đặc thù, mới hoặc có độ phức tạp cao mà danh mục chung chưa phản ánh đầy đủ, như quản trị đô thị đặc biệt, chuyển đổi số và dữ liệu, quản lý di sản, trật tự xây dựng đô thị, môi trường, dịch vụ công ích đặc thù, quản lý các lĩnh vực trọng điểm trong điều kiện dân số, khối lượng giao dịch hành chính và yêu cầu phục vụ Nhân dân rất lớn.

Về biên chế công chức và số lượng người làm việc, Thành phố đã triển khai nhiều đợt rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn đầu mối cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy nhiên, đồng thời với yêu cầu tinh gọn là yêu cầu bảo đảm đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ mới được phân cấp, ủy quyền; yêu cầu hiện đại hóa, chuyển đổi số, cung ứng dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm chất lượng giáo dục, y tế, an sinh xã hội và phục vụ người dân, doanh nghiệp trong bối cảnh phát triển nhanh của Thủ đô.

Do đó, việc ban hành 01 Nghị quyết gộp quy định về vị trí việc làm và biên chế trong hệ thống chính quyền của Thành phố là cần thiết. Cách tiếp cận này bảo đảm xử lý đồng bộ mối quan hệ giữa vị trí việc làm và biên chế: vị trí việc làm là căn cứ xác định nhu cầu, cơ cấu, yêu cầu năng lực; biên chế công chức và số lượng người làm việc là nguồn lực để bố trí, sử dụng nhân lực theo thẩm quyền.

Đối với biên chế công chức, Thành phố được chủ động quyết định số lượng với tổng mức tối đa không vượt quá 20% so với biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao hằng năm và giai đoạn. Thực tiễn hiện nay, căn cứ phương án dự kiến giao biên chế năm 2026 của Trung ương, số biên chế công chức dự kiến giao cho Thành phố thấp hơn số lượng công chức hiện có mặt. Vì vậy, cơ chế xác định tổng số biên chế công chức tối đa không vượt quá 20% không nhằm mở rộng biên chế ngoài nhu cầu thực tế mà chủ yếu tạo dư địa để bảo đảm nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ; sau khi áp dụng cơ chế này, tổng biên chế công chức của Thành phố cơ bản tương đương số lượng công chức hiện có mặt.

Đối với số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập, dự thảo quy định bảo đảm không thấp hơn định mức do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định; trong đó, ưu tiên bảo đảm định mức cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế phù hợp với quy mô dân số và sự phát triển của Thủ đô. Gộp hai nội dung trong một Nghị quyết không làm lẫn phạm vi chính sách, mà đặt hai nhóm quy định trong một khuôn khổ thống nhất, có chương mục riêng, thẩm quyền riêng và nguyên tắc kiểm soát riêng.

2. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

2.1. Mục đích ban hành Nghị quyết

- Cụ thể hóa đồng thời điểm g và điểm h khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố trong quy định vị trí việc làm công chức, viên chức và quyết định biên chế các cơ quan trong hệ thống chính quyền của Thành phố.

- Tạo cơ sở pháp lý thống nhất để xác định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung vị trí việc làm công chức, viên chức chưa được Chính phủ, Bộ, ngành quy định; bảo đảm không chồng chéo, không thay thế quy định chung của Trung ương và phù hợp yêu cầu quản trị Thủ đô.

- Thiết lập nguyên tắc xác định, tiêu chí rà soát, điều chỉnh biên chế công chức, số lượng người làm việc gắn với vị trí việc làm, chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, mức độ phân cấp, ủy quyền, chuyển đổi số, hiệu quả sử dụng nhân lực và khả năng cân đối nguồn lực; trong đó, Thành phố được chủ động quyết định số lượng biên chế công chức với tổng mức tối đa không vượt quá 20% so với biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao hằng năm và giai đoạn.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng cung ứng dịch vụ công cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

2.2. Ý nghĩa của Nghị quyết

- Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, Luật Thủ đô, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Bảo đảm phân định rõ thẩm quyền: Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định những nội dung thuộc thẩm quyền đặc thù theo Luật Thủ đô; Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện, phê duyệt vị trí việc làm thuộc phạm vi quản lý theo quy định; Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp, tham mưu; các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề xuất.

- Bảo đảm nguyên tắc khách quan, khoa học, công khai, minh bạch, có kiểm soát; không hợp thức hóa tăng biên chế cơ học, không tạo cơ chế xin - cho, không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với người dân, doanh nghiệp.

- Gắn xác định vị trí việc làm với quản lý biên chế, số lượng người làm việc; gắn quản lý nhân lực với mục tiêu tinh gọn bộ máy, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ; ưu tiên nguồn lực cho lĩnh vực trọng điểm, dịch vụ công thiết yếu và địa bàn có tốc độ phát triển nhanh, khối lượng công việc lớn.

- Bảo đảm linh hoạt trong tổ chức thực hiện nhưng chặt chẽ trong kiểm soát thẩm quyền: những vấn đề có tính khung, nguyên tắc, tiêu chí được quy định trong Nghị quyết; các nội dung kỹ thuật, hồ sơ chi tiết, thời hạn xử lý, biểu mẫu nội bộ được giao Ủy ban nhân dân Thành phố quy định, hướng dẫn hoặc phân công cơ quan chuyên môn tham mưu tổ chức thực hiện theo thẩm quyền.

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 04 chương, 14 điều và 02 phụ lục, cụ thể:

- Chương I. Quy định chung, gồm Điều 1 về phạm vi điều chỉnh, Điều 2 về đối tượng áp dụng và Điều 3 về thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm; quyết định biên chế công chức, số lượng người làm việc.

- Chương II. Vị trí việc làm công chức, viên chức, gồm Mục 1 về vị trí việc làm công chức của Thành phố và Mục 2 về vị trí việc làm viên chức; quy định danh mục khung, bản mô tả công việc, khung năng lực, hồ sơ, trình tự thẩm định, điều chỉnh và bổ sung vị trí việc làm.

- Chương III. Biên chế công chức và số lượng người làm việc, quy định nguyên tắc xác định biên chế công chức, số lượng người làm việc và tiêu chí rà soát, điều chỉnh.

- Chương IV. Tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành, quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện, giám sát và hiệu lực thi hành.

- Phụ lục I ban hành Danh mục khung vị trí việc làm công chức của Thành phố Hà Nội chưa được Chính phủ, Bộ, ngành quy định; Phụ lục II ban hành mẫu bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm.

4. Một số điểm mới của Nghị quyết

- Ban hành danh mục 51 vị trí việc làm công chức đặc thù của Thành phố chưa được Chính phủ, Bộ, ngành quy định; quy định trình tự, hồ sơ, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và bổ sung vị trí việc làm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, phát triển của Thủ đô.

- Quy định về biên chế:

+ Đối với biên chế công chức: Nghị quyết quy định cơ chế Thành phố được chủ động quyết định số lượng biên chế công chức với tổng mức tối đa không vượt quá 20% so với biên chế được cấp có thẩm quyền giao nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của đô thị đặc biệt.

+ Số lượng người làm việc (biên chế viên chức): bảo đảm không thấp hơn định mức do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định; trong đó, ưu tiên bảo đảm định mức cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế phù hợp với quy mô dân số và sự phát triển của Thủ đô./.

V. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 52/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định chính sách chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách các cấp của thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm e khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 52/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của HĐND thành phố Hà Nội Quy định một số nội dung về chính sách thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách các cấp của thành phố Hà Nội.

Đây là Nghị quyết được ban hành nhằm cụ thể hóa quy định tại điểm e khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô năm 2026.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

(1) Cơ sở pháp lý:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; đặc biệt là điểm b khoản 1 Điều 15 giao Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chính sách thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách các cấp của Thành phố.
- Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;
- Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;
- Luật Viên chức số 129/2025/QH15;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ;
- Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;
- Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ;
- Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức.

(2) Cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

Thực hiện Luật Thủ đô 2024, trong năm 2025 và 2026, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 46/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND để thực hiện chính sách chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố Hà Nội quản lý. Đây là chính sách mang tính đột phá, bước đầu mang lại những kết quả rất tích cực: Tạo sự đồng thuận, phấn khởi và động lực làm việc to lớn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị; góp phần ổn định nguồn nhân lực chất lượng cao, hạn chế tình trạng dịch chuyển nhân

sự có chuyên môn sâu từ khu vực công sang khu vực tư và hỗ trợ thiết thực cho đời sống người lao động khu vực công trong bối cảnh chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tại Thủ đô luôn ở mức cao so với cả nước.

Ngày 23/4/2026, Quốc hội thông qua Luật Thủ đô số 02/2026/QH16. Tại điểm e khoản 1 Điều 7, Luật đã trao thẩm quyền mở rộng cho HĐND Thành phố trong việc: *“Quy định chính sách về thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng lương từ ngân sách Thành phố; việc sử dụng nguồn ngân sách các cấp của Thành phố và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện chính sách này”*. Quy định mới này mang tính bao quát, mở rộng và linh hoạt hơn rất nhiều so với khung quy định cũ.

Việc tiếp tục thực hiện chính sách thu nhập theo Luật Thủ đô 2026 sẽ tạo động lực thúc đẩy nền công vụ của Thành phố hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giữ chân nguồn nhân lực trong khu vực công, tránh “chảy máu chất xám”, đặc biệt trong thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay. Đồng thời, phù hợp với chủ trương của Thành phố về cải thiện thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, đã được nêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVIII và các Kế hoạch cải cách tiền lương của Trung ương.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

- Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết nhằm cụ thể hóa và đưa Luật Thủ đô đi vào cuộc sống một cách nhanh chóng, hiệu quả (cụ thể hóa quy định tại điểm e khoản 1 Điều 7 của Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, cụ thể như sau: *“Quy định một số nội dung về chính sách chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng lương từ ngân sách Thành phố; việc sử dụng ngân sách Thành phố và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện chính sách này”*).

- Đảm bảo cơ sở pháp lý đồng bộ, minh bạch để các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố thực hiện chi thu nhập tăng thêm đúng đối tượng, đúng nguyên tắc và mức chi.

- Động viên, khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố tiếp tục phát huy, cống hiến, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, thực hiện mục tiêu phục vụ nhân dân, đóng góp vào sự phát triển của Thành phố trong tình hình mới nói chung và từng cơ quan, đơn vị nói riêng. Đồng thời cải thiện đời sống tinh thần, vật chất của cán bộ, công chức, viên chức khi chỉ số giá tiêu dùng của Thành phố hiện cao nhất cả nước.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

4.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này trước mắt giới hạn ở chính sách chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, giữ ổn định đối tượng như Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND (không mở rộng). Đối với người lao động hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ và các cấu phần thu nhập khác thuộc phạm vi rộng của điểm e khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô, Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp tục nghiên cứu, đề xuất khi xây dựng chính sách thu nhập tổng thể.

Nghị quyết này quy định một số nội dung về chính sách chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách các cấp của Thành phố theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23 tháng 4 năm 2026.

b) Đối tượng áp dụng

Về cơ bản giữ nguyên như tại Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Cập nhật rõ quy định “Cán bộ, công chức, viên chức **hưởng lương từ ngân sách các cấp của Thành phố**” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô và cập nhật thông tin về người làm việc tại hội cho phù hợp quy định tại Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Cụ thể như sau:

Cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách các cấp của Thành phố làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên thuộc thành phố Hà Nội quản lý.

Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội.

Người trong độ tuổi lao động được cấp có thẩm quyền phân công, điều động đến làm việc tại hội và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho hội đối với Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ phạm vi Thành phố.

Quy định một số nội dung: nguyên tắc thực hiện, mức chi, phương án thực hiện, kinh phí và thời gian thực hiện chính sách chi thu nhập tăng thêm cho các đối tượng được hưởng theo quy định tại Luật Thủ đô, cụ thể:

4.2. Nguyên tắc thực hiện

- Thu nhập tăng thêm được chi trả trên cơ sở hiệu quả công việc thông qua kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của cơ quan có thẩm quyền và được chi trả hằng tháng đối với người được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

- Việc thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức phải bảo đảm đúng đối tượng, khách quan, công khai, minh bạch, gắn với hiệu quả công việc, không bình quân, cào bằng; chịu sự kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý của Thành phố.

- Công khai tiêu chí đánh giá, xếp loại và mức chi thu nhập tăng thêm tại cơ quan, đơn vị và công khai kết quả chi thu nhập tăng thêm theo quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4.3. Mức chi

Chi thu nhập tăng thêm hằng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức theo số biên chế hiện có của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đối tượng được hưởng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết tối đa là **1,0 lần** mức lương theo ngạch, bậc,

chức vụ hiện hưởng và không bao gồm các khoản phụ cấp theo quy định. Khoản chi thu nhập tăng thêm được trả cùng kỳ lương và không dùng làm căn cứ để tính đóng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

4.4. Phương án chi

- Cán bộ, công chức, viên chức có kết quả xếp loại theo quy định của cơ quan có thẩm quyền là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được hưởng hệ số thu nhập tăng thêm là: 1,0 lần mức lương/người/tháng.

- Cán bộ, công chức, viên chức có kết quả xếp loại theo quy định của cơ quan có thẩm quyền là hoàn thành tốt nhiệm vụ được hưởng hệ số thu nhập tăng thêm là: 0,8 lần mức lương/người/tháng.

- Cán bộ, công chức, viên chức có kết quả xếp loại theo quy định của cơ quan có thẩm quyền là hoàn thành nhiệm vụ được hưởng hệ số thu nhập tăng thêm là: 0,5 lần mức lương/người/tháng.

5. Một số điểm mới của Nghị quyết

So với các quy định trước đây, Nghị quyết có một số nội dung mới như sau:

5.1. Về mức chi:

Tại dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đề xuất áp dụng mức chi thu nhập tăng thêm tối đa là 1,0 lần mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ (tăng so với mức trần cũ là 0,8 lần tại Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND). Đây là nội dung vượt trội mà Thành phố tận dụng lợi thế, thế mạnh của Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 và Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị.

Cơ quan soạn thảo báo cáo, giải trình cụ thể về tính hợp lý, lý do đề xuất của phương án này như sau:

- Về lý do đề xuất:

Thời gian ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 đến nay đã 8 năm, về cơ bản mặt bằng không phù hợp với chỉ số giá tiêu dùng hiện nay. Đồng thời, Trung ương đang thực hiện lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, cá nhân về việc sửa đổi Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018.

Thành phố tận dụng lợi thế, thế mạnh của Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới trong đó có các nội dung quan trọng làm cơ sở chính trị cho việc xây dựng Nghị quyết là: “thiết lập thể chế đặc thù vượt trội” cho Thủ đô Hà Nội; phân quyền, phân cấp triệt để gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình, bảo đảm Thủ đô có đủ thẩm quyền, công cụ và nguồn lực để chủ động quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về các vấn đề phát triển của Thủ đô; cơ chế giữ chân và thu hút nhân tài về làm việc tại Thủ đô.

- Về tính tương thích với quy định của Đảng và căn cứ pháp lý áp dụng: Tại tiết đ điểm 3.1 khoản 3 Mục II Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng quy định trần chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,8 lần.

Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 do Quốc hội ban hành là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất (chỉ sau Hiến pháp), đã chính thức giao toàn quyền cho HĐND Thành phố tự quyết định nhiều thẩm quyền, chính sách trong đó có chính sách thu nhập dựa trên khả năng cân đối ngân sách theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô 2026. Do đó, việc quy định mức chi tối đa 1,0 lần là hoàn toàn hợp pháp và phát huy được tinh thần “thể chế đặc thù vượt trội” mà Trung ương dành cho Thủ đô theo quy định.

- Quy trình thực hiện: Nhận thấy nội dung đề xuất tăng mức chi có sự khác biệt so với định hướng tại văn bản của Trung ương (Nghị quyết số 27-NQ/TW), UBND Thành phố đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo thực hiện nghiêm túc quy trình, thủ tục chặt chẽ theo quy định tại **Điều 8 Luật Thủ đô**, trong đó đặc biệt đã có Văn bản lấy ý kiến tham vấn trực tiếp từ 04 cơ quan đầu mối Trung ương bao gồm: **Bộ Nội vụ** (về chính sách tiền lương), **Bộ Tài chính** (về cân đối ngân sách nhà nước), **Bộ Tư pháp** (về tính hợp pháp) và **Ban Tổ chức Trung ương** (về phương diện chính trị, đối chiếu với chủ trương của Đảng). UBND Thành phố đã nhận được đầy đủ Văn bản tham vấn của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và Ban Tổ chức Trung ương. Về cơ bản các Cơ quan thống nhất với mức chi đề xuất.

b) Về phương án chi:

Phương án chi: Cán bộ, công chức, viên chức có kết quả xếp loại **hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ** được hưởng hệ số thu nhập tăng thêm là: **1,0 lần** mức lương/người/tháng; **hoàn thành tốt nhiệm vụ** hưởng hệ số thu nhập tăng thêm là: **0,8 lần** mức lương/người/tháng; **hoàn thành nhiệm vụ** được hưởng hệ số thu nhập tăng thêm là: **0,5 lần** mức lương/người/tháng./.

VI. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 53/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định về chế độ quản lý công chức, viên chức; việc thuê, tuyển dụng và bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm i, k khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 53/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2016 của HĐND thành phố Hà Nội quy định về chế độ quản lý, sử dụng công chức, viên chức; việc thuê, tuyển dụng và bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Đây là Nghị quyết được ban hành nhằm cụ thể hóa quy định tại điểm i, k khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, quy định về: (1) Thẩm quyền tuyển dụng công chức, viên chức đối với người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; (2) Việc thuê để bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ở các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm của thành phố Hà Nội; (3) Việc thuê, tuyển dụng và bổ nhiệm người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý:

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Luật Doanh nghiệp số 69/2020/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2.2. Cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa quy định tại điểm i, k khoản 1 Điều 7 Luật thủ đô năm 2026:

“i) *Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chế độ quản lý, sử dụng công chức, viên chức theo nguyên tắc người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng công chức, viên chức thực hiện tuyển dụng, đánh giá;*

k) *Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc thuê, tuyển dụng và bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố*”.

Sau khi tổ chức sắp xếp bộ máy và tổ chức chính quyền 02 cấp theo Kết luận số 121-KL/TW, 167-KL/TW của Bộ Chính trị, việc phân cấp cho người đứng đầu các sở, UBND cấp xã tổ chức tuyển dụng công chức là cần thiết, nhằm tăng cường tính chủ động cho người đứng đầu cơ quan trực tiếp sử dụng công chức đảm bảo có đủ nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, pháp luật hiện hành đang giao cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thực hiện tuyển dụng viên chức.

Do đó, cần tiếp tục phân cấp cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thực hiện tuyển dụng viên chức; để đồng bộ giao thẩm quyền tuyển dụng viên chức người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

Hiện nay, việc lựa chọn người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước tại Thành phố chủ yếu thực hiện theo quy trình hành chính, khép kín trong nguồn quy hoạch sẵn có và theo quy định của pháp luật hiện hành của Trung ương và Thành phố. Cơ chế này chưa tạo được sự bứt phá trong việc thu hút nhân tài từ khu vực tư nhân hoặc các chuyên gia quốc tế có kinh nghiệm quản trị hiện đại.

Thực tiễn đòi hỏi phải có cơ chế "mở" hơn, thay vì bổ nhiệm theo quy trình truyền thống, việc "thuê và tuyển dụng" sẽ gắn chặt trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả đầu ra và hiệu quả sử dụng vốn, tài sản nhà nước.

Việc ban hành Nghị quyết là bước cụ thể hóa Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước và Luật Thủ đô, tạo cơ sở pháp lý thống nhất để Thành phố thực hiện và thực hiện hiệu quả, nhân rộng mô hình thuê quản lý chuyên nghiệp.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Nghị quyết quy định phân cấp cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng công chức, viên chức góp phần tăng cường sự chủ động cho cơ quan, tổ chức, đơn vị; kịp thời tuyển dụng công chức, viên chức còn thiếu, đảm bảo có đủ công chức, viên chức triển khai, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao; gắn quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan sử dụng trong việc phát triển đội ngũ, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; phân cấp trong tuyển dụng công chức, viên chức phải gắn với hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, chế độ thông tin, báo cáo, kiểm soát quyền lực của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng công chức, viên chức.

Nghị quyết cụ thể hóa quy định tại điểm k khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô nhằm xây dựng đội ngũ lãnh đạo đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp có năng lực quản trị vượt trội, vận hành theo cơ chế thị trường, nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ công của Thủ đô.

Mục tiêu của Nghị quyết nhằm đổi mới cơ chế lựa chọn lãnh đạo trong đó mục tiêu hàng đầu là chuyển dần từ cơ chế bổ nhiệm hành chính truyền thống sang cơ chế thuê, tuyển dụng dựa trên năng lực chuyên môn, nâng cao hiệu quả hoạt động

của đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả quản lý điều hành đơn vị sự nghiệp, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Mục tiêu cốt lõi là “Tìm đúng người - Giao đúng việc - Đãi ngộ xứng đáng - Quy trách nhiệm rõ ràng” để bộ máy của đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND Thành phố vận hành hiệu quả hơn.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 38 Điều, được bố cục thành 05 Chương, 38 Điều, cụ thể:

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

Chương II. Thẩm quyền tuyển dụng công chức, viên chức

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

Điều 5. Thẩm quyền tuyển dụng công chức

Điều 6. Thẩm quyền tuyển dụng viên chức

Điều 7. Trách nhiệm trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức

Điều 8. Nguồn kinh phí tuyển dụng

Chương III. Việc thuê để bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội

Điều 9. Nguyên tắc thực hiện

Điều 10. Lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm ưu tiên thuê để bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập

Điều 11. Đối tượng

Điều 12. Tiêu chuẩn, điều kiện

Điều 13. Hồ sơ của ứng viên

Điều 14. Đề xuất chủ trương thuê để bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập

Điều 15. Thông báo, tiếp nhận hồ sơ ứng tuyển

Điều 16. Tổ chức tuyển chọn ứng viên

Điều 17. Thương thảo, ký kết hợp đồng và bổ nhiệm

Điều 18. Đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của người được thuê giữ chức vụ người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập

Điều 20. Trách nhiệm của người được thuê giữ chức vụ người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập

Điều 21. Chế độ tiền lương, tiền thưởng, điều kiện làm việc và chế độ khác

Điều 22. Nguồn kinh phí thực hiện

Chương IV. Việc thuê, tuyển dụng và bổ nhiệm người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội

Điều 23. Nguyên tắc thực hiện

Điều 24. Tiêu chuẩn, điều kiện chung đối với người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước

Điều 25. Điều kiện, tiêu chuẩn của người được thuê đứng đầu doanh nghiệp nhà nước.

Điều 26. Điều kiện, tiêu chuẩn người được tuyển dụng đứng đầu doanh nghiệp nhà nước

Điều 27. Thời gian giữ chức vụ đối với người được thuê, tuyển dụng đứng đầu doanh nghiệp nhà nước.

Điều 28. Quy định chung về quy trình, thủ tục

Điều 29. Quy trình thuê người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước

Điều 30. Quy trình tuyển dụng người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước

Điều 31. Hồ sơ của người được thuê, tuyển dụng đứng đầu doanh nghiệp

Điều 32. Quy trình gia hạn thời gian thuê người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước và bổ nhiệm lại đối với người được tuyển dụng là người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước

Điều 33. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng, không bổ nhiệm lại người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước

Điều 34. Tiền lương, thưởng, chế độ đãi ngộ đối với người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước

Điều 35. Nguồn kinh phí thực hiện

Chương V. Điều khoản thi hành

Điều 36. Tổ chức thực hiện

Điều 37. Điều khoản thi hành

Điều 38. Điều khoản chuyển tiếp\

5. Một số điểm mới của Nghị quyết

So với các quy định trước đây, Nghị quyết có một số nội dung mới như sau:

5.1. Về phân cấp tuyển dụng công chức, viên chức

- Phân cấp cho người đứng đầu các sở, cơ quan tương đương sở, cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân Thành phố; UBND xã, phường, tổ chức thực hiện tuyển dụng công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và các quy định của pháp luật có liên quan;

- Phân cấp cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi

thường xuyên thực hiện tuyển dụng viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Viên chức và các quy định của pháp luật có liên quan;

Việc phân cấp tuyển dụng công chức, viên chức nhằm đảm bảo nguyên tắc người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng công chức, viên chức tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức, viên chức trong việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức đảm bảo theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô năm 2026.

5.2. Về thuê để bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện thuê để bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm của thành phố Hà Nội khi cơ quan có thẩm quyền xác định chưa bố trí được nhân sự đáp ứng yêu cầu hoặc cần thu hút nhân lực có trình độ, năng lực, kinh nghiệm đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ phát triển của Thủ đô. Việc thuê để bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập gắn với yêu cầu nâng cao chất lượng quản trị, hiệu quả hoạt động, chất lượng cung ứng dịch vụ công và trách nhiệm của người đứng đầu đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Đối tượng là Chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp đã và đang làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức hàng đầu Việt Nam và quốc tế, có kinh nghiệm chuyên môn sâu rộng và thành tựu nổi bật trong lĩnh vực hoạt động trọng tâm, trọng điểm (như phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị, nông thôn; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, thiên tai; lĩnh vực văn hoá; du lịch; giáo dục và đào tạo), phù hợp với yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu thuê người đứng đầu.

Nghị quyết đã quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện tham gia ứng tuyển vào vị trí người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; quy trình thuê để bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; quyền, nghĩa vụ, chế độ tiền lương, tiền thưởng, nguồn kinh phí chi trả đối với người được thuê để bổ nhiệm vị trí người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

5.3. Về thuê, tuyển dụng và bổ nhiệm người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước

5.3.1. Về nguyên tắc, tiêu chuẩn và điều kiện (Điều 23,24,25,26,27)

- Về nguyên tắc: Việc thuê, tuyển dụng phải đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, phù hợp với Luật Thủ đô và gắn quyền hạn, trách nhiệm, thu nhập của người đứng đầu với kết quả sản xuất kinh doanh. Chỉ thực hiện khi thật sự cần thiết (đổi mới quản trị, nâng cao hiệu quả vốn) và khi doanh nghiệp chưa có người đứng đầu hoặc nhân sự hiện tại/quy hoạch chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Tiêu chuẩn chung: Yêu cầu người ứng tuyển phải có lập trường chính trị vững vàng, đạo đức tốt, không vụ lợi; trình độ từ đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực doanh nghiệp; có kỹ năng quản trị doanh nghiệp, tài chính, rủi ro; có kinh nghiệm thực tiễn và không vi phạm pháp luật.

- Tiêu chuẩn riêng khi Thuê: Cần ít nhất 05 năm kinh nghiệm quản lý điều hành ở vị trí tương đương, có thành tích nổi bật, có đề án phát triển doanh nghiệp khả thi và cam kết thực hiện các chỉ tiêu tài chính do chủ sở hữu giao. Người được

thuê không được có xung đột lợi ích hoặc quan hệ gia đình với lãnh đạo cơ quan đại diện chủ sở hữu.

- Tiêu chuẩn riêng khi Tuyển dụng: Tương tự như thuê, ứng viên phải có 5 năm kinh nghiệm và phải đạt yêu cầu qua các vòng thi tuyển, sát hạch, có đề án phát triển doanh nghiệp được Hội đồng đánh giá đạt.

- Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ đầu tiên không quá 5 năm (60 tháng) hoặc tùy thuộc vào Đề án thuê, tuyển người đứng đầu doanh nghiệp). Có thể bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không quá 5 năm (60 tháng) nhưng không được giữ chức vụ quá 2 nhiệm kỳ.

5.3.2. Quy trình, thủ tục thực hiện (Điều 28,29,30,31,32,33)

- Quy trình thuê: Bắt đầu bằng việc xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề án thuê bởi cơ quan đại diện chủ sở hữu (do Sở Nội vụ chủ trì báo cáo). Sau đó, thông báo công khai, tiếp nhận hồ sơ, tổ chức Hội đồng phỏng vấn, đánh giá năng lực. Khi trúng tuyển, hai bên sẽ thương thảo nội dung hợp đồng (nhiệm vụ, KPI, lương, thưởng) và tiến hành ký kết. Hợp đồng được đánh giá định kỳ theo KPI để quyết định gia hạn hay chấm dứt.

- Quy trình tuyển dụng: Lên kế hoạch thi tuyển hoặc xét tuyển, lập Hội đồng, thông báo rộng rãi và tiếp nhận hồ sơ. Việc thi tuyển bao gồm thi viết, trình bày đề án và phỏng vấn. Hội đồng chấm điểm, lập danh sách từ cao xuống thấp để phê duyệt và bổ nhiệm.

- Hồ sơ yêu cầu: Bao gồm lý lịch, bản kê khai tài sản, văn bằng chứng chỉ, giấy khám sức khỏe (trong 6 tháng), bản sao khen thưởng/kỷ luật, cam kết không tham nhũng, và đặc biệt là chương trình hành động theo OKR, KPI.

- Gia hạn, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm: Trình tự đánh giá để gia hạn hoặc bổ nhiệm lại phải được tiến hành trước 90 ngày khi hết hạn hợp đồng. Người đứng đầu có thể bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng nếu không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, mất uy tín hoặc vì lý do sức khỏe.

5.3.3. Chế độ tiền lương, kinh phí và tổ chức thực hiện (Điều 34,35,36)

- Tiền lương và đãi ngộ: Tiền lương cơ bản được xác định theo quy mô doanh nghiệp và hiệu quả công việc. Thưởng và thu nhập tăng thêm được chi trả trên cơ sở lợi nhuận sau thuế. Điểm đáng chú ý là người đứng đầu được thưởng 1% phần chênh lệch lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch (sau khi loại trừ yếu tố khách quan) và có thể được bố trí thuê nhà ở xã hội nếu có nhu cầu.

- Nguồn kinh phí: Lương, thưởng và phúc lợi được lấy từ quỹ lương và chi phí hoạt động của doanh nghiệp. Ngân sách Thành phố sẽ chi trả cho khâu tổ chức thi tuyển, đào tạo bồi dưỡng năng lực và xây dựng cơ chế chính sách.

- Trách nhiệm: UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo toàn diện. Sở Nội vụ là cơ quan tham mưu chính, thực hiện quy trình thủ tục và giám sát. Sở Tài chính và các sở ngành liên quan kiểm tra kết quả hoạt động tài chính, chuyên môn của doanh nghiệp./.

VII. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 54/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội Quy định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, chế độ tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố (Thực hiện điểm đ khoản 1 Điều 7 và điểm đ khoản 5 Điều 21 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

1. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

a) Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới, trong đó có nội dung xác định “hoàn thiện thể chế đồng bộ, bảo đảm vượt trội, ưu việt, đủ năng lực xử lý hiệu quả các vấn đề của Hà Nội, của vùng Thủ đô, vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng Trung du và miền núi phía Bắc và những vấn đề mang tầm quốc gia, quốc tế; Phân cấp, phân quyền triệt để cho Thành phố trong các lĩnh vực; tăng thẩm quyền của chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; cho phép Thành phố được ban hành văn bản để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội khác hoặc chưa có quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; mở rộng quyền tự chủ, tự quyết, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức bộ máy, quản trị hành chính”.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã xác định các đột phá phát triển, trong đó có nội dung: “Tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển Thủ đô: Hoàn thành việc cụ thể hóa Luật Thủ đô; xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, khắc phục hạn chế và khơi thông, huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển. Tiên phong thí điểm các cơ chế, chính sách mới, trọng tâm là: phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân; giáo dục và đào tạo; y tế; công nghiệp văn hóa... Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.

b) Căn cứ pháp lý

- Luật Thủ đô số 02/2026/QH16
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.
- Luật Viên chức số 129/2025/QH15.
- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13.
- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15.
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14.

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15).

- Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành Luật Thủ đô.

c) Cơ sở thực tiễn

Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ của cả nước, là nơi tập trung các ĐVSNCL có quy mô lớn, hiện có 2.862 ĐVSNCL bao gồm: 19 đơn vị thuộc UBND Thành phố (đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1); 290 đơn vị thuộc các sở, ban, ngành (đơn vị sự nghiệp công lập cấp 2); 2553 đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã trực thuộc UBND xã, phường.

Với vai trò, trách nhiệm vượt lên tư duy phát triển bó hẹp địa phương và thực hiện sứ mệnh tiên phong dẫn dắt, lan tỏa và tạo động lực cho vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước trong kỷ nguyên mới, các đơn vị sự nghiệp công lập có tính chất hoạt động phức tạp và yêu cầu chất lượng dịch vụ cao ngang tầm khu vực, đòi hỏi phải có tính kịp thời và chủ động cao trong thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công.

Hiện nay, theo Nghị định của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thì việc thành lập, tổ chức lại và giải thể đối với các đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1, cấp 2 đang thuộc thẩm quyền quyết định của UBND Thành phố; đối với đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp xã, do đó còn nhiều quy trình thủ tục, thời gian thực hiện kéo dài. Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 có hiệu lực đã cho phép thẩm quyền của Chủ tịch UBND Thành phố được quyết định thành lập, tổ chức lại và giải thể đối với các trường hợp nêu trên.

Ngoài ra, theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, các đơn vị sự nghiệp công lập hiện nay được phân thành 4 nhóm tương ứng với mức độ tự chủ tài chính. Với điều kiện về mức tự chủ tài chính tương ứng để các đơn vị được chủ động về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và thực hiện nhiệm vụ như trên hiện đang là rào cản. Đơn vị trong nhóm 3 có mức tự chủ tương đối cao (đạt từ 70% trở lên) chưa được chủ động quyết định về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và thực hiện nhiệm vụ như các đơn vị thuộc nhóm 2, nhóm 1; dẫn đến hạn chế trong việc chủ động, linh hoạt, phát huy tính năng động, sáng tạo để kịp thời cung cấp các dịch vụ công theo yêu cầu của xã hội.

Nhóm các đơn vị từ 70% đến dưới 100% là những đơn vị đã có nguồn thu sự nghiệp tương đối ổn định, vững chắc, “tiệm cận với nhóm 2”. Việc cho phép đơn vị trong nhóm 3 có mức tự chủ tiệm cận nhóm 2 (đạt từ 70% trở lên) được chủ động quyết định về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và thực hiện nhiệm vụ như các đơn vị nhóm 2, nhóm 1 có ý nghĩa cởi trói kịp thời cho nhu cầu phát triển; giao thêm

quyền cho nhóm tự chủ 70% trở lên sẽ tạo đòn bẩy kích thích, động lực mạnh mẽ để bứt phá, sớm lọt vào nhóm 2, hướng đến giảm hoàn toàn gánh nặng ngân sách Thành phố.

Về chính sách hỗ trợ nguồn vốn tín dụng đầu tư trang thiết bị công nghệ cao nhằm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ thực hiện chủ trương Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; nhiều đơn vị sự nghiệp công lập hiện nay (đặc biệt trong lĩnh vực y tế, giáo dục, khoa học công nghệ) có nhu cầu đầu tư máy móc, thiết bị công nghệ cao; có nguồn thu để hoàn trả vốn vay nhưng không có tài sản bảo đảm hoặc tài sản là tài sản công nên khó được ngân hàng chấp nhận thế chấp. Luật Thủ đô cho phép quy định việc bảo lãnh cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố để vay vốn từ các tổ chức tín dụng để đầu tư trang thiết bị công nghệ cao, qua đó bổ sung chức năng bảo lãnh tín dụng cho Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội nhằm tạo công cụ tài chính hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tiếp cận nguồn vốn tín dụng.

Việc ban hành Nghị quyết là yêu cầu cấp thiết để tháo gỡ các “điểm nghẽn” về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm cụ thể hóa quyền hạn pháp lý được Quốc hội giao cho Thủ đô.

2. Mục đích, ý nghĩa của việc ban hành Nghị quyết

2.1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Nghị quyết quy định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, chế độ tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và quy định việc bảo lãnh cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố để vay vốn từ các tổ chức tín dụng để đầu tư trang thiết bị công nghệ

2.2. Ý nghĩa của Nghị quyết

- Tăng phân cấp, tăng tính chủ động trong tổ chức bộ máy. Việc chuyển thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập từ UBND Thành phố sang Chủ tịch UBND Thành phố giúp rút ngắn quy trình, giảm tầng nấc trung gian, tăng trách nhiệm người đứng đầu.

- Mở rộng quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập. Điểm mới là đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, tự bảo đảm chi thường xuyên từ 70% đến dưới 100%, được áp dụng cơ chế tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và thực hiện nhiệm vụ như đơn vị nhóm 2.

- Tạo cơ chế huy động nguồn lực, bổ sung chức năng nhiệm vụ cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố thực hiện bảo lãnh cho các đơn vị sự nghiệp công lập để đầu tư trang thiết bị công nghệ cao.

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 5 Chương, 16 Điều, cụ thể:

Chương I: Những quy định chung (2 Điều)

Chương II: Thẩm quyền, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (3 Điều)

Chương III: Chế độ tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập (6 Điều)

Chương IV: Bảo lãnh cho đơn vị sự nghiệp công lập để vay vốn từ các tổ chức tín dụng để đầu tư trang thiết bị công nghệ cao (2 Điều)

Chương V: Tổ chức thực hiện (3 Điều)

- **Phạm vi:** Quy định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể; chế độ tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội; quy định cơ chế bảo lãnh cho đơn vị sự nghiệp công lập vay vốn đầu tư trang thiết bị công nghệ cao.

- **Đối tượng:** Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội; Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội, các tổ chức tín dụng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, thực hiện cơ chế tự chủ và bảo lãnh vay vốn của đơn vị sự nghiệp công lập.

- **Các chính sách chính của Nghị quyết:**

1. Quy định thẩm quyền, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại và giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; phân cấp Chủ tịch UBND Thành phố quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, bảo đảm tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động.

2. Quy định chế độ tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự, cho phép đơn vị sự nghiệp công lập được chủ động quyết định cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, tuyển dụng, sử dụng, điều động và ký kết một số loại hợp đồng theo mức độ tự chủ, gắn với yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công và không làm tăng biên chế hưởng lương từ ngân sách.

3. Quy định chế độ tự chủ về thực hiện nhiệm vụ và tài chính, mở rộng quyền chủ động trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quản lý, sử dụng nguồn tài chính, tài sản công, các quỹ của đơn vị; đồng thời quy định lộ trình nâng mức tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Quy định cơ chế giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng mức độ tự chủ tài chính; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý và người đứng đầu đơn vị trong việc thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ.

5. Quy định chính sách bảo lãnh cho đơn vị sự nghiệp công lập vay vốn từ các tổ chức tín dụng để đầu tư trang thiết bị công nghệ cao, bao gồm đối tượng, nguyên tắc, điều kiện, trình tự thực hiện bảo lãnh và trách nhiệm của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội, góp phần nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ sự nghiệp công./.

VIII. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 55/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định việc sắp xếp, tổ chức lại, thành lập các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động; quy định thành lập Quỹ thưởng của Thủ đô (Thực hiện điểm e khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 21 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

1. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

(1) Cơ sở pháp lý:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

(2) Cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

- Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới xác định Hà Nội chủ động sắp xếp, tổ chức lại, thành lập các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động theo hướng đa mục tiêu, đa chức năng, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả.

- Nghị quyết 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước xác định nhiệm vụ: *“Tiếp tục hoàn thiện khung thể chế, tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; Rà soát, sáp nhập, giải thể các quỹ ngoài ngân sách trùng lặp, kém hiệu quả, không phù hợp với yêu cầu phát triển; giảm đầu mối để tăng quy mô, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các quỹ; tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng các quỹ; đẩy mạnh số hoá, công khai thông tin và kết quả hoạt động. Tăng cường cơ chế uỷ thác quản lý tài chính quỹ cho các tổ chức ngân hàng, công ty tài chính chuyên nghiệp; các cơ quan nhà nước chỉ tập trung xây dựng tiêu chí, điều kiện huy động và giải ngân vốn từ quỹ. Tăng cường huy động nguồn lực xã hội hoá và giảm phụ thuộc vào ngân sách. Không hình thành mới quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trừ các trường hợp cấp bách, cấp thiết theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng”*.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định các đột phá phát triển, trong đó có nội dung: *“Tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển Thủ đô: Hoàn thành việc cụ thể hóa Luật Thủ đô; xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, khắc phục hạn chế và khơi thông, huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển. Tiên phong thí điểm các cơ chế, chính sách mới, trọng tâm là: phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân; giáo dục và đào tạo; y tế; công nghiệp văn hóa... Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, uỷ quyền với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”*.

- Đến nay, Chính phủ chưa ban hành văn bản quy định thống nhất về việc thành lập và tổ chức hoạt động của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Thành phố hiện có 12 quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách đang hoạt động, được thành lập theo quy định pháp luật chuyên ngành. Việc thưởng theo quy định hiện hành của Luật thi đua, khen thưởng chưa thực sự động viên được tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc, mức thưởng chỉ theo hướng động viên khuyến khích, chưa tạo động lực bứt phá, chưa tương xứng với đóng góp đối với những thành tích mang lại giá trị nổi trội cho sự phát triển Thủ đô.

2. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa quy định của Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị.

Nghị quyết ban hành với mục tiêu tạo hành lang pháp lý cho việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các quỹ tài chính ngoài ngân sách theo các nguyên tắc, tiêu chí cụ thể; giảm đầu mối để tăng quy mô, đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các quỹ; quy định thành lập Quỹ thưởng của Thủ đô nhằm kịp thời động viên, khuyến khích, ghi nhận và tôn vinh các tập thể, cá nhân trong và ngoài nước có thành tích xuất sắc có đóng góp tiêu biểu trong sự nghiệp xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô Hà Nội theo cơ chế đặc thù, đảm bảo tính vượt trội tương xứng với giá trị đóng góp và tầm ảnh hưởng của thành tích; đồng thời hoạt động hoàn toàn độc lập không trùng lặp với các danh hiệu và mức chi khen thưởng theo quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng.

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 10 Điều, được bố cục thành 03 Chương, cụ thể.

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Chương II. Quy định cụ thể

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí sắp xếp, tổ chức lại, thành lập quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động.

Điều 4. Thẩm quyền.

Điều 5. Trình tự, thủ tục.

Điều 6. Mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

Điều 7. Quỹ thưởng của Thủ đô.

Chương III. Điều khoản thi hành

Điều 8. Tổ chức thực hiện.

Điều 9. Hiệu lực thi hành.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp.

4. Một số điểm mới của Nghị quyết

- Nghị quyết quy định việc thành lập Quỹ thưởng của Thủ đô. Quỹ thưởng được xác định là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, nguồn kinh phí được trích từ tăng thu thuế, phí thực hiện hằng năm so với dự toán. Nghị quyết quy định việc giao cho UBND Thành phố ban hành Quyết định thành lập và ban hành Quy chế quản lý, sử dụng với mục tiêu là thưởng vượt trội cho những đóng góp tiêu biểu, không trùng lặp với Luật Thi đua, khen thưởng. Đây là cơ chế đặc quyền vượt trội mà chỉ Hà Nội được áp dụng theo Luật Thủ đô 2026.

- Nghị quyết xây dựng khung pháp lý chung để thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hiện có tại thành phố Hà Nội. Hiện nay Trung ương mới chỉ có các Nghị định riêng cho từng loại quỹ, chưa có văn bản thống nhất quy định việc sắp xếp, sáp nhập quỹ ở địa phương. Nghị quyết là căn cứ pháp lý đầu tiên quy định nguyên tắc, tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục chung cho việc sắp xếp toàn bộ 12 quỹ, quy định rõ 4 trường hợp phải sắp xếp và khuyến khích áp dụng cơ chế ủy thác cho tổ chức ngân hàng, công ty tài chính quản lý tài chính quỹ nhằm hạn chế phát sinh bộ máy trung gian.

- Nghị quyết thiết lập cơ chế phân quyền rõ ràng, mạnh mẽ giữa HĐND Thành phố và UBND Thành phố. HĐND Thành phố quyết định chính sách khung thông qua Đề án. Chủ tịch UBND Thành phố ban hành quyết định cụ thể sắp xếp, tổ chức lại, thành lập quỹ. Cơ chế này thể hiện mạnh mẽ hơn chủ trương phân cấp, phân quyền so với quy định chung tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Nghị quyết quy định về điều khoản chuyển tiếp chặt chẽ, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động của các quỹ và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan./.

IX. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 57/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định một số chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm b khoản 1 Điều 16; điểm c, điểm d khoản 2 Điều 25 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 57/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định một số chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thành phố Hà Nội.

Đây là Nghị quyết được ban hành nhằm cụ thể hóa quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16; điểm c, điểm d khoản 2 Điều 25 Luật Thủ đô năm 2026, đồng thời quy định về: nội dung chi, mức chi, nguồn kinh phí thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng; chính sách hỗ trợ nghiên cứu sinh đi học tập tại cơ sở đào tạo trong nước để giải quyết bài toán lớn của Thành phố; chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên đi học tập, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục ở nước ngoài; chính sách hỗ trợ cho người học các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15, Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

- Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

- Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

- Nghị quyết số 92/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của HĐND Thành phố ban hành quy định về cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng của thành phố Hà Nội;

2.2. Cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

a) Đối với quy định về nội dung chi, mức chi, nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác thành phố Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 về việc quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác của thành phố Hà Nội. Vì vậy, từ năm 2018 đến nay, nội dung chi và mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND vẫn là cơ sở để các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội áp dụng khi tổ chức thực hiện các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

Trong bối cảnh giá cả thị trường có nhiều biến động, mức lương cơ sở nhiều lần được điều chỉnh tăng (từ năm 2018 đến nay đã có 04 lần điều chỉnh tăng mức lương cơ sở) thì một số định mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND đến nay không còn phù hợp, thấp hơn nhiều so với chi phí thực tế.

Từ các căn cứ trên, việc ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và tuyển chọn, đánh giá người có tài năng thành phố Hà Nội là hết sức cần thiết, phù hợp với quy định hiện hành về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của việc xây dựng và phát triển Thủ đô nhằm đạt các mục tiêu theo tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2025- 2030 đã đề ra.

b) Đối với chính sách hỗ trợ nghiên cứu sinh đi học tập tại cơ sở đào tạo trong nước để giải quyết bài toán lớn của Thành phố

Hà Nội là nơi tập trung khoảng 70% tổ chức khoa học và công nghệ, trường đại học, viện nghiên cứu lớn của cả nước, với hơn 60% nhà khoa học của cả nước sinh sống, làm việc. Tuy nhiên, số lượng chuyên gia đầu ngành đạt trình độ quốc tế ở một số ngành công nghệ chiến lược còn khiêm tốn, thiếu hụt đội ngũ kế cận trong một số lĩnh vực. Đặc biệt, tỷ lệ chuyên gia, nhà khoa học có năng lực để trở thành Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng trong một số ngành, lĩnh vực quan trọng, vừa có năng lực chuyên môn sâu, vừa có tầm nhìn và khả năng hoạch định ở tầm vĩ mô, chiến lược để giải quyết các vấn đề phức tạp, điểm nghẽn trong phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô nói riêng, của đất nước còn khiêm tốn so với nhu cầu.

Hà Nội đang đứng trước yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng hướng tới tăng trưởng theo chiều sâu. Thành phố sẽ không thể chỉ dựa vào việc thu hút vốn FDI cho các dự án có tính gia công, trình độ công nghệ trung bình mà cần phải thu hút được các Tập đoàn công nghệ lớn nắm giữ các công nghệ chiến lược (AI, bán dẫn, công nghệ sinh học,...). Một trong các yếu tố để thu hút các “đại bàng” công nghệ chọn đầu tư vào Hà Nội chính là việc sẵn có nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực này.

Để chuyển dịch mô hình tăng trưởng kinh tế, Thành phố cần thay đổi tư duy quản lý nhân tài từ quản lý, thu hút nhân tài về làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố sang tư duy “kiến tạo hệ sinh thái”. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy đã ban hành Kế hoạch hành động số 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026, trong đó đặt ra mục tiêu phát triển nguồn nhân lực tinh hoa cho Thành phố bao gồm nhiệm vụ đào tạo 1.000 nghiên cứu sinh trong giai đoạn 2026 - 2030 gắn với các bài toán lớn, điểm nghẽn lớn của Thủ đô.

Để thực hiện mục tiêu này, Thành ủy đã chỉ đạo xây dựng và ban hành Chương trình học bổng đào tạo nghiên cứu sinh phục vụ giải quyết các bài toán lớn của Thành phố. Chỉ đạo của Thành ủy cần được hiện thực hóa thông qua việc ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định nội dung, mức chi hỗ trợ đào tạo nghiên cứu

sinh của thành phố Hà Nội. Nghị quyết được ban hành sẽ là bước đi chiến lược, đón đầu và cần thiết, sẽ giúp cho Thành phố chuyển dịch mô hình phát triển từ mô hình số lượng sang chất lượng, đảm bảo tính bền vững vị thế Thủ đô là trung tâm trí thức của cả nước.

c) Đối với chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên đi học tập, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục ở nước ngoài; chính sách hỗ trợ cho người học các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực vực và thế giới

- Tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; trong đó xác định nhiệm vụ *“Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài”*, tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo; khuyến khích đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao tại các cơ sở giáo dục tiên tiến trên thế giới.

- Tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, đối với các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục và đào tạo có nêu: *“Cấp học bổng hoặc có chính sách khuyến khích, hỗ trợ học sinh, sinh viên, giảng viên đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng ở các nước phát triển, các nước có quan hệ truyền thống, có thế mạnh trong các lĩnh vực, ngành trọng điểm, tận dụng các chương trình hợp tác song phương”*.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định: *“Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc”*, trong đó một trong các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện là *“Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”*.

- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân với quan điểm chỉ đạo: *“Quan tâm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng, cân đối, đủ phẩm chất đạo đức, năng lực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và sự hài lòng của người dân; có chính sách ưu đãi, đãi ngộ đặc biệt trong suốt quá trình từ đào tạo, tuyển dụng, sử dụng, phát huy năng lực, thế mạnh của đội ngũ cán bộ y tế”*.

- Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó đề tạo đột phá về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, một trong các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm là phấn đấu đến năm 2030 thu hút 50 - 55% học sinh trung học vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

- Điều 4 Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và

đào tạo đã quy định đẩy mạnh chuyển đổi số, hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo như cho phép cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ chủ động tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; tăng cường liên kết, hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục nước ngoài; cho phép thành lập phân hiệu hoặc cơ sở giáo dục đại học công lập của Việt Nam tại nước ngoài nhằm thúc đẩy hội nhập quốc tế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đồng thời, tại Điều 5 Nghị quyết này cũng thực hiện quy định chính sách hỗ trợ người học và đào tạo nhân lực trình độ cao; trong đó Nhà nước thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho người học; quy định chương trình trọng điểm quốc gia đào tạo tiến sĩ toàn thời gian; cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí sinh hoạt đối với nghiên cứu sinh tham gia các chương trình đào tạo theo đặt hàng, giao nhiệm vụ gắn với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ưu tiên của quốc gia; đồng thời khuyến khích phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài gắn với yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

- Đối với Thủ đô Hà Nội, việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành trọng điểm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ phục vụ yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của Thủ đô, mà còn góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển chung của đất nước. Trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế sâu rộng, Thành phố xác định rõ yêu cầu ưu tiên đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong các lĩnh vực mũi nhọn, ngành nghề trọng điểm gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô trong giai đoạn mới.

Thực tiễn cho thấy, để tiếp cận tri thức tiên tiến, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản trị và khả năng hội nhập quốc tế, việc tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên tham gia học tập, nghiên cứu, giảng dạy, thỉnh giảng tại các cơ sở giáo dục nước ngoài, hay theo học các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới có chất lượng là giải pháp quan trọng, trực tiếp góp phần phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thành phố. Mặc dù các lĩnh vực, ngành trọng điểm đã được xác định trong nhiều chủ trương, định hướng lớn của Trung ương và Thành phố, song hiện nay Hà Nội chưa có cơ chế, chính sách đặc thù, đồng bộ để chủ động lựa chọn, hỗ trợ và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực được đào tạo ở nước ngoài phục vụ các mục tiêu phát triển chiến lược.

Do đó, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định chính sách cấp học bổng, cơ chế khuyến khích, hỗ trợ học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng ở các cơ sở giáo dục của nước ngoài trong các lĩnh vực, ngành trọng điểm; hỗ trợ học phí đối với người học theo học các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới là cần thiết nhằm kịp thời cụ thể hóa và tổ chức triển khai hiệu quả quy định của Luật Thủ đô năm 2026; đồng thời thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Trung ương và Thành phố về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để Hà Nội chủ động sử dụng nguồn lực địa phương, xây dựng chính sách đặc thù trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế của Thủ đô trong giai đoạn mới.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

a) Đối với quy định về nội dung chi, mức chi, nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác thành phố Hà Nội

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết nhằm cụ thể hóa quy định của Luật Thủ đô sửa đổi, Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức, Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, tạo cơ sở pháp lý cho công tác triển khai, thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng của thành phố Hà Nội; quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí phục vụ hoạt động thu hút người có tài năng của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 92/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của HĐND Thành phố.

Ngoài việc cụ thể hóa các quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC, Nghị quyết còn quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù, vượt trội phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước và Thành phố về công tác đào tạo, bồi dưỡng và chính sách thu hút người có tài năng góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển Thủ đô trong thời kỳ mới.

b) Đối với chính sách hỗ trợ nghiên cứu sinh đi học tập tại cơ sở đào tạo trong nước để giải quyết bài toán lớn của Thành phố

Triển khai Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; Quyết định số 8602-QĐ/TU ngày 15/5/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy cập nhật Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hà Nội; Kế hoạch hành động số 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026, trong đó đặt ra mục tiêu phát triển nguồn nhân lực tinh hoa cho Thành phố bao gồm nhiệm vụ đào tạo 1.000 nghiên cứu sinh trong giai đoạn 2026 - 2030 gắn với các bài toán lớn, điểm nghẽn lớn của Thủ đô.

Để thực hiện mục tiêu này, Kế hoạch hành động số 20-KH/BCĐ57 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy đã chỉ đạo xây dựng và ban hành Chương trình học bổng đào tạo 1.000 nghiên cứu sinh của Thành phố. Chỉ đạo của Thành ủy cần được hiện thực hóa thông qua việc ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh của thành phố Hà Nội.

Việc ban hành Nghị quyết cũng góp phần triển khai thực hiện một số quy định về phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao tiềm lực, năng lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Đối với chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên đi học tập, nghiên cứu tại các

cơ sở giáo dục ở nước ngoài; chính sách hỗ trợ cho người học các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực vực và thế giới

Cụ thể hóa quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 và điểm d khoản 2 Điều 25 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 về chính sách cấp học bổng, cơ chế khuyến khích, hỗ trợ học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng ở các cơ sở giáo dục của nước ngoài trong các lĩnh vực, ngành trọng điểm; hỗ trợ học phí đối với người học theo học các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

Tạo cơ sở pháp lý để Thành phố chủ động sử dụng nguồn lực ngân sách địa phương nhằm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các mục tiêu phát triển chiến lược của Thủ đô.

Khuyến khích học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên tiếp cận môi trường giáo dục tiên tiến của thế giới; thúc đẩy hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng lực nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Hỗ trợ người học tham gia đào tạo các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo có kỹ năng nghề cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 35 Điều, được bố cục thành 05 Chương, bao gồm:

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Chương II: CHÍNH SÁCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC TRONG KHU VỰC CÔNG THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Mục 1: Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong nước

Điều 4. Đào tạo trong nước

Điều 5. Bồi dưỡng trong nước

Điều 6. Tập huấn trong nước

Mục 2: Đào tạo, bồi dưỡng, thỉnh giảng nước ngoài

Điều 7. Đào tạo nước ngoài

Điều 8. Bồi dưỡng, thỉnh giảng nước ngoài

Mục 3: Các hoạt động phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn

Điều 9. Các hoạt động tổ chức hội nghị, kiểm tra, khảo sát

Điều 10. Các hoạt động khác phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn

Chương III: CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGHIÊN CỨU SINH, HỌC SINH, SINH VIÊN ĐI HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TRONG CÁC LĨNH VỰC, NGÀNH TRỌNG ĐIỂM CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Mục 1: Chính sách hỗ trợ nghiên cứu sinh đi học tập tại các cơ sở đào tạo trong nước để giải quyết bài toán lớn của Thành phố

Tiểu mục 1: Điều kiện, tiêu chuẩn, nội dung, định mức

Điều 11. Điều kiện, tiêu chuẩn hỗ trợ người học

Điều 12. Nội dung và định mức hỗ trợ người học

Điều 13. Thời gian hỗ trợ người học

Điều 14. Phương thức hỗ trợ người học

Tiểu mục 2: Quyền lợi, nghĩa vụ của nghiên cứu sinh và trách nhiệm của cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ nghiên cứu sinh

Điều 15. Quyền lợi, nghĩa vụ của người học

Điều 16. Bồi hoàn kinh phí hỗ trợ

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ nghiên cứu sinh

Điều 18. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo

Mục 2: Chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên đi học tập, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục ở nước ngoài

Tiểu mục 1: Điều kiện, tiêu chuẩn, nội dung, định mức và nguồn kinh phí hỗ trợ

Điều 19. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người học

Điều 20. Nội dung cấp học bổng và mức học bổng

Điều 21. Nguyên tắc thực hiện chính sách cấp học bổng

Điều 22. Phương thức cấp học bổng

Điều 23. Hồ sơ dự tuyển và trình tự thực hiện

Tiểu mục 2: Quyền lợi, nghĩa vụ của người học và trách nhiệm của cơ quan cử đi học

Điều 24. Quyền lợi và nghĩa vụ của người học (bao gồm đền bù kinh phí hỗ trợ)

Điều 25. Quyền lợi và trách nhiệm của cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan cử đi học tập, nghiên cứu đối với người học

Mục 3: Chính sách hỗ trợ cho người học các ngành, nghề trọng điểm; ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới

Tiểu mục 1: Điều kiện, tiêu chuẩn, nội dung hỗ trợ

Điều 26. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người được hưởng chính sách

Điều 27. Mức và thời gian hỗ trợ

Điều 28. Phương thức hỗ trợ

Tiểu mục 2: Quyền lợi và trách nhiệm của người học

Điều 29. Quyền lợi của người học

Điều 30. Trách nhiệm của người học

Chương IV: HOẠT ĐỘNG TUYỂN CHỌN, ĐÁNH GIÁ NGƯỜI CÓ TÀI NĂNG, NGHIÊN CỨU SINH, HỌC SINH, SINH VIÊN

Điều 31. Nội dung chi, mức chi Hội đồng tuyển chọn, đánh giá

Điều 32. Chi thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập

Chương V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Nguồn kinh phí

Điều 34. Điều khoản thi hành

Điều 35. Tổ chức thực hiện

5. Một số điểm mới của Nghị quyết

So với các quy định trước đây, Nghị quyết có một số nội dung mới như sau:

a) Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong khu vực công

- Đào tạo trong nước: Hỗ trợ trình độ Thạc sĩ bằng 30 lần mức lương tối thiểu vùng I (thêm 10 lần nếu đạt điểm giỏi/xuất sắc) và trình độ Tiến sĩ bằng 60 lần (thêm 20 lần nếu hoàn thành sớm). Người học phải đền bù 100% kinh phí nếu tự ý bỏ học, bị kỷ luật hoặc không phục vụ đủ thời gian cam kết sau đào tạo.

- Bồi dưỡng, tập huấn trong nước: Hỗ trợ chi phí đi lại, phòng nghỉ, tiền ăn (150.000 đồng/người/ngày), khen thưởng học viên xuất sắc (500.000 đồng/người). Thù lao cho giảng viên được chi trả theo chức vụ, cấp bậc, học hàm, học vị, cao nhất lên tới 02 lần mức lương tối thiểu tháng vùng I/buổi.

- Đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài: Được chi trả học phí thực tế, sinh hoạt phí (80 lần mức lương tối thiểu vùng I/năm), chi phí vé máy bay/tàu xe (12 lần/khóa), bảo hiểm y tế (05 lần/năm), lệ phí hộ chiếu/thị thực (05 lần/năm); trường hợp cơ quan tự tổ chức lớp thì chi theo chế độ công tác phí ở nước ngoài.

b) Chính sách hỗ trợ nghiên cứu sinh, học sinh, sinh viên trong lĩnh vực trọng điểm

- Hỗ trợ nghiên cứu sinh giải quyết bài toán lớn của Thủ đô:

+ Điều kiện: Là nghiên cứu sinh toàn thời gian trong nước, chuyên ngành phục vụ giải quyết bài toán lớn của Hà Nội trên cơ sở kết quả xét chọn của Hội đồng tuyển chọn, đánh giá nghiên cứu sinh.

+ Mức hỗ trợ: Hỗ trợ định kỳ bằng 03 lần mức lương tối thiểu vùng I/tháng (tối đa 48 tháng). Hỗ trợ kinh phí dự hội thảo khoa học (từ 02 đến 06 lần mức lương tối thiểu) và công bố quốc tế (từ 10 đến 15 lần mức lương tối thiểu tùy xếp hạng tạp chí).

+ Nghĩa vụ: Người học có nghĩa vụ tham gia tư vấn, giải quyết các nhiệm vụ khoa học, công nghệ của Thành phố sau khi tốt nghiệp. Phải bồi hoàn toàn bộ nếu vi phạm kỷ luật, gian lận, thu hồi bằng hoặc không thực hiện nghĩa vụ cam kết.

- Hỗ trợ học sinh, sinh viên học tập, nghiên cứu tại nước ngoài:

+ Mức hỗ trợ: Học phí tối đa 150 lần (Đại học), 200 lần (Thạc sĩ), 250 lần (Tiến sĩ) mức lương tối thiểu vùng I/năm. Sinh hoạt phí 80 lần/năm, chi phí đi lại 12

lần/khóa, bảo hiểm 5 lần/năm. Thời gian hỗ trợ tùy bậc học (Đại học/Tiến sĩ: 48 tháng; Thạc sĩ: 24 tháng).

+ Nghĩa vụ: Phải cam kết làm việc tại Hà Nội ít nhất 84 tháng đối với trình độ Đại học trở lên và 36 tháng đối với các trường hợp khác. Bồi hoàn 100% kinh phí trong 120 ngày nếu vi phạm hoặc không chấp hành sự điều động.

- Hỗ trợ người học ngành, nghề trọng điểm, tiên tiến:

+ Hỗ trợ 100% học phí cho học sinh trung cấp, sinh viên cao đẳng thường trú tại Hà Nội học các ngành nghề trọng điểm (không vượt mức trần quy định của Chính phủ) hoặc ngành nghề tiếp cận trình độ tiên tiến (không vượt 2 lần mức trần).

+ Thời gian hỗ trợ tối đa 20 tháng (trung cấp) và 30 tháng (cao đẳng), chi trả qua UBND cấp xã nơi thường trú vào cuối mỗi kỳ học.

d) Quy định nội dung chi và định mức chi hoạt động Hội đồng tuyển chọn, đánh giá người có tài năng, nghiên cứu sinh, học sinh, sinh viên

- Chi họp Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng (5.000.000 đồng/người/buổi); Phó Chủ tịch và thành viên (2.000.000 đồng/người/buổi); Thư ký (1.000.000 đồng/người/buổi); Đại biểu tham dự (200.000 đồng/người/buổi).

- Chi nhận xét đánh giá: Chủ tịch (1.000.000 đồng/phiếu); Phó Chủ tịch và thành viên (700.000 đồng/phiếu).

- Chi chuyên gia độc lập: Bằng 02 lần mức lương tối thiểu vùng I/buổi, kèm tiền ăn 200.000 đồng/ngày./.

X. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về quy định ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính của Chủ tịch UBND cấp xã cho công chức thuộc UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của HĐND Thành phố quy định ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của Chủ tịch UBND cấp xã cho công chức thuộc UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

(1) Cơ sở pháp lý:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;
- Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;
- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;
- Nghị định 07/2025/NĐ-CP CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;
- Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.
- Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025;

(2) Cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

Trong thời gian qua, việc thực hiện Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND Thành phố quy định về ủy quyền giải quyết TTHC của Chủ tịch UBND cấp xã cho công chức thuộc UBND cấp xã đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong giải quyết TTHC tại cấp xã, giảm bớt khâu trung gian, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, phục vụ kịp thời, tốt hơn nhu cầu giải quyết TTHC của người dân, tổ chức. Bên cạnh đó, việc ủy quyền giúp tăng cường trách nhiệm của công chức được ủy quyền, thúc đẩy công chức không ngừng nỗ lực, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện được các nội dung ủy quyền. Việc ủy quyền giúp giảm tải công việc của Lãnh đạo UBND cấp xã, tăng thời gian điều hành hoạt

động của UBND cấp xã, phù hợp với chỉ đạo chung của Trung ương và đáp ứng yêu cầu chính quyền phục vụ.

Thực hiện Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (*có hiệu lực ngày 01/7/2025*), theo đó, thành phố Hà Nội thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp: cấp Thành phố và cấp xã với 126 đơn vị hành chính cấp xã từ ngày 01/7/2025 (không còn cấp huyện). Số lượng hồ sơ giải quyết TTHC hiện nay ở cấp xã tại thành phố Hà Nội rất lớn (đặc biệt lĩnh vực chứng thực và hộ tịch). Qua khảo sát, từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/7/2025, trung bình một ngày, một xã sẽ tiếp nhận và giải quyết từ 80-100 hồ sơ liên quan đến chứng thực, có nơi lên đến 300 hồ sơ/01 ngày. Để giải quyết nhanh chóng nhu cầu giao dịch của người dân, tổ chức, tăng cường trách nhiệm của công chức cấp xã trong giải quyết công việc, cần thiết quy định các TTHC ủy quyền từ Chủ tịch UBND cấp xã cho công chức thuộc UBND cấp xã.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

- Quy định về phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền giải quyết TTHC cho công chức thuộc UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Kế thừa và phát huy hiệu quả các quy định hợp lý về ủy quyền giải quyết TTHC tại Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND trước đây; tiếp tục đổi mới và hoàn thiện các quy định ủy quyền để đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp, các quy định về phân định thẩm quyền của UBND cấp xã;

- Việc thực hiện Nghị quyết sẽ góp phần phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị, khai thác hiệu quả và giải phóng các nguồn lực phát triển. Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo quy định về trình tự, thủ tục rút gọn trong ban hành VBQPPL.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 9 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc ủy quyền

Điều 4. Lĩnh vực, phạm vi ủy quyền

Điều 5. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Điều 6. Quyền hạn và trách nhiệm của công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền

Điều 7. Mức chi hỗ trợ hàng tháng đối với công chức được ủy quyền

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Điều 9. Hiệu lực thi hành

5. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

5.1. Về lĩnh vực ủy quyền:

- Giữ nguyên 02 lĩnh vực được ủy quyền quy định tại Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND, gồm: Tư pháp, Bảo trợ xã hội¹.

- Đối với lĩnh vực Tư pháp, bổ sung nội dung ủy quyền về Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.

Lý do: Theo quy định tại Khoản 1, Điều 1, Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, thẩm quyền của UBND cấp xã được bổ sung như sau: “UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền và trách nhiệm: Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận”.

- Không thực hiện ủy quyền lĩnh vực Văn hóa với 03 TTHC: Thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng; Sáp nhập, hợp nhất, chia tách thư viện đối với thư viện cộng đồng; Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng.

Lý do: Quyết định số 2069/QĐ-BVHTTDL ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bãi bỏ 03 TTHC này.

5.2. Mức chi hỗ trợ hằng tháng đối với công chức được ủy quyền

Căn cứ ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế tại Báo cáo thẩm tra số 87/BC-BPC ngày 17/9/2025 của Ban Pháp chế - HĐND Thành phố đối với Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết “*Quy định ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính của Chủ tịch UBND cấp xã cho công chức thuộc UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội*”, cụ thể: “*đề nghị UBND Thành phố chỉ đạo rà soát mức hỗ trợ này, nghiên cứu đề xuất tăng mức hỗ trợ đối với công chức tại UBND cấp xã được ủy quyền để tương xứng với trách nhiệm, tính chất, khối lượng hồ sơ được ủy quyền đồng thời tương đương với mức hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố và các Điểm Phục vụ hành chính công trên địa bàn Thành phố*”, Sở Nội vụ đã phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Y tế và Sở Tài chính tiến hành nghiên cứu, rà soát và đề xuất mức chi hỗ trợ hằng tháng cho công chức được ủy quyền giải quyết TTHC trong dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND Thành phố, cụ thể:

- Mức hỗ trợ hằng tháng đề xuất cho công chức được ủy quyền là **2.500.000 đồng/người/tháng**, cao hơn so với quy định tại Nghị quyết 31/2024/NQ-HĐND (trước đây là **15% mức lương cơ sở/người/tháng**, tương ứng khoảng **351.000 đồng**

¹ Lĩnh vực tư pháp, gồm: (1) Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận. (2) Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch. Lĩnh vực bảo trợ xã hội, gồm: Đối, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật.

hiện nay). Đây là mức được Sở Tư pháp đề xuất tại Văn bản số 4037/STP-HCTP ngày 18/9/2025 của Sở Tư pháp về việc đề xuất mức hỗ trợ hằng tháng đối với công chức được ủy quyền giải quyết TTHC tại UBND cấp xã. Mức hỗ trợ này bằng **50% mức hỗ trợ áp dụng đối với công chức, viên chức và lao động hợp đồng** làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC, Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố (theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của HĐND Thành phố).

Lý do: Sau sắp xếp, các xã, phường mới thành lập có địa bàn rộng, tỉ lệ trung bình gấp hơn 4 lần so với xã, phường cũ trước đây ($526:126=4,17$). Số lượng TTHC và số lượng hồ sơ phát sinh lớn, nhiều thủ tục, công việc được chuyển từ cấp Thành phố, cấp Huyện xuống cấp Xã. Riêng lĩnh vực chứng thực, trung bình mỗi xã tiếp nhận hơn 80 hồ sơ/ngày, có nơi lên tới 300 hồ sơ/ngày, chiếm tỷ lệ 75% tổng số hồ sơ hành chính tiếp nhận, giải quyết trong ngày. Việc ủy quyền giúp đơn giản hóa quy trình giải quyết TTHC, giảm đáng kể thời gian thực hiện TTHC, công dân có thể nhận kết quả ngay khi giao dịch tại UBND cấp xã, không phải chờ đợi trong nhiều giờ hay phải đi lại nhiều lần, giảm đáng kể Chi phí tuân thủ TTHC. Việc ủy quyền cũng giúp giảm đầu mối, lược bỏ các bước xử lý nội bộ, tạo điều kiện cho công chức chủ động hơn trong việc bố trí thời gian giải quyết công việc, giảm áp lực công việc và tăng thời gian giải quyết các công việc khác cho Lãnh đạo UBND cấp xã. Việc quy định tăng mức hỗ trợ hằng tháng cho công chức được ủy quyền là động viên thiết thực giúp công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- So sánh với mức chi hỗ trợ trước đây:

+ Trước đây: Tổng số công chức được ủy quyền tại 526 xã, phường là 2.248 người (trung bình 04 người/xã tại 03 lĩnh vực ủy quyền). Mức hỗ trợ: 0,15 lần mức lương cơ sở/người/tháng tương ứng 351.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ 01 năm của toàn Thành phố: $2.248 \text{ người} \times 351.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 9.468.576.000 \text{ đồng}$ (hơn 9 tỷ đồng).

+ Theo đề xuất mới: Công chức tư pháp - hộ tịch tại 126 xã, phường: 706 người (biên chế được giao 813). Trung bình mỗi xã 6 người. Công chức bảo trợ xã hội tại 126 xã, phường: 126 người. Trung bình mỗi xã 1 người. Với mức hỗ trợ: 2.500.000 đồng/người/tháng, kinh phí chi trả trung bình 01 xã/tháng: $2.500.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ người} = 17.500.000 \text{ đồng}$. Tổng kinh phí toàn Thành phố 01 năm: $17.500.000 \text{ đồng/1 xã/1 tháng} \times 126 \text{ xã} \times 12 \text{ tháng} = 26.460.000.000 \text{ đồng}$ (hơn 26 tỷ đồng).

+ Kinh phí ngân sách bổ sung thêm 01 năm: 16.991.424.000 đồng (hơn 16 tỷ).

- Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách xã, phường. Thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp (cấp Thành phố và cấp xã), không còn cấp huyện, việc xác định nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách xã, phường là phù hợp. /.

XI. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 92/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của HĐND thành phố Hà Nội ban hành quy định về cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng của thành phố Hà Nội

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 92/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của HĐND Thành phố về việc ban hành quy định về cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng của thành phố Hà Nội.

Đây là Nghị quyết được ban hành nhằm cụ thể hóa quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15, tiếp tục có hiệu lực để triển khai Luật Thủ đô số 02/2026/QH16.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

(1) Cơ sở pháp lý:

- Khoản 1 Điều 16 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;
- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 22/2008/QH12;
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ hướng dẫn Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19/9/2025 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức.
- Các văn bản hướng dẫn và các quy định khác của pháp luật có liên quan về thu hút, trọng dụng người có tài năng.

(2) Cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

Hiện nay, Thành phố Hà Nội không phải là địa phương duy nhất thực hiện cơ chế chính sách đặc thù theo Luật Thủ đô, một số tỉnh, thành khác như Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ... cũng đã và đang nghiên cứu, xây dựng chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt trên cơ sở triển khai các Nghị quyết của Quốc hội. Nếu không kịp thời xây dựng, ban hành chính sách, Thành phố Hà Nội sẽ khó có cơ hội cạnh tranh, thu hút nhân tài, ảnh hưởng đến việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong xây dựng và phát triển Thủ đô.

Theo đánh giá kết quả việc thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, chính sách tiền lương của khu vực công hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Mô hình thang, bảng lương cho cán bộ, công chức, viên chức đã áp dụng hơn 20 năm nên không còn phù hợp với vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo; còn mang nặng tính bình quân, không bảo đảm được mức sống, chưa thu hút được nhân tài, chưa tạo được động lực để nâng cao chất lượng và hiệu quả làm việc. Từ năm 2025, HĐND Thành phố ban hành các Nghị quyết về thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố, tuy nhiên, mức thu nhập sau khi bổ sung vẫn chưa so sánh được với mức lương ở khu vực tư nhân. Vì vậy, để thu hút, trọng dụng người có tài năng cần xem xét và xây dựng các chính sách vượt trội, phù hợp với thực tiễn nhằm khắc phục những bất cập về chính sách tiền lương, đảm bảo mức thu nhập tương xứng với sức lao động, trí tuệ và năng lực của chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt.

Bên cạnh đó, trước yêu cầu phát triển Thủ đô, việc thu hút, trọng dụng các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng ở các lĩnh vực: hoạch định chính sách công; khoa học công nghệ; chuyển đổi số; công nghệ AI; văn hóa và thể thao; quản lý và phát triển đô thị, hạ tầng thông minh; các lĩnh vực về an sinh xã hội... là vấn đề cần đặt ra và quan tâm hàng đầu để góp phần tạo xung lực mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố.

Từ các căn cứ trên, việc ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố về thu hút, trọng dụng người có tài năng thành phố Hà Nội là hết sức cần thiết, có cơ sở, phù hợp với quy định hiện hành về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của tình hình thực tiễn xây dựng và phát triển Thành phố, nhằm đạt các mục tiêu phát triển theo Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2025- 2030 đã đề ra.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết cụ thể hóa quy định khoản 1 Điều 16 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15, tạo cơ sở pháp lý cho công tác triển khai, thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng cho thành phố Hà Nội.

Nội dung chính sách phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về các giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ, đặc biệt với nguồn nhân lực chất lượng cao. Khi kịp thời xây dựng, ban hành chính sách vượt trội, Thành phố Hà Nội sẽ có nhiều lợi thế cạnh tranh để thu hút người có tài năng, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong xây dựng và phát triển Thủ đô. Bên cạnh đó, hiệu quả của chính sách thu hút còn đóng góp vào công tác cải thiện hình ảnh Thành phố; thúc đẩy đầu tư, nâng cao các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).

Chính sách trọng dụng tương xứng với đóng góp của người có tài năng, gắn với đánh giá hàng năm thông qua sản phẩm, chất lượng công việc cụ thể. Quá trình tuyển chọn, đánh giá đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, đúng đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền trong việc thực hiện chính sách. Ngoài các chính sách

hỗ trợ về mức thu nhập, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài gắn với các lợi thế, đặc thù của thành phố Hà Nội về chế độ phúc lợi (nhà ở, giáo dục, y tế, phương tiện công cộng...) trên địa bàn.

Nội dung chính sách phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đề ra về phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới, có đủ sức hấp dẫn để thu hút, sử dụng và phát huy hiệu quả năng lực nghiên cứu, trí tuệ và thành quả lao động sáng tạo của người có tài năng. Đồng thời, chính sách thu hút phải đảm bảo cụ thể, khả thi, chặt chẽ và phù hợp với điều kiện, khả năng của cơ quan, đơn vị; tăng cường phân cấp về thẩm quyền đi đôi với quy định cụ thể, xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong việc phát hiện, thu hút, trọng dụng người có tài năng.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 03 Điều; quy định kèm theo Nghị quyết gồm có **04 Chương, 20 Điều**, trong đó xác định rõ phạm vi, đối tượng áp dụng; đối với các hình thức thu hút, đã quy định cụ thể đối tượng, chính sách hỗ trợ, quy trình thực hiện, đảm bảo “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”. Do vậy, việc thu hút, trọng dụng người có tài năng thành phố Hà Nội có thể triển khai ngay sau khi Nghị quyết được ban hành. Cụ thể:

(1). Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

Điều 5. Các ngành, lĩnh vực trọng tâm, ưu tiên thu hút

(2). Chương II. CHÍNH SÁCH THU HÚT, TRỌNG DỤNG NGƯỜI CÓ TÀI NĂNG

Mục 1. Thu hút, trọng dụng người có tài năng theo hình thức tuyển dụng công chức, viên chức

Điều 6. Các đối tượng thu hút, trọng dụng theo hình thức tuyển dụng công chức, viên chức

Điều 7. Chính sách hỗ trợ một lần kinh phí và hỗ trợ khác

Điều 8. Chính sách về điều kiện làm việc

Điều 9. Chính sách về chế độ phúc lợi

Điều 10. Chính sách về đào tạo, bồi dưỡng; ưu tiên trong bố trí, sử dụng sau tuyển dụng và trọng dụng người có tài năng

Điều 11. Quy trình thực hiện thu hút, trọng dụng theo hình thức tuyển dụng công chức, viên chức

Mục 2. Thu hút người có tài năng theo hình thức ký kết hợp đồng lao động

Điều 12. Các đối tượng thu hút người có tài năng theo hình thức ký kết hợp đồng lao động

Điều 13. Mức thu nhập, chính sách ưu đãi đối với người có tài năng theo hình thức ký kết hợp đồng lao động

Điều 14. Quy trình thực hiện thu hút theo hình thức ký kết hợp đồng lao động

Mục 3. Thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Điều 15. Đối tượng là chuyên gia khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Điều 16. Chính sách hỗ trợ thu hút chuyên gia khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

(3). Chương III. NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC THU HÚT, TRỌNG DỤNG

Điều 17. Nghĩa vụ và trách nhiệm của đối tượng thu hút, trọng dụng

Điều 18. Bồi hoàn kinh phí hỗ trợ

(4). Chương IV. KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Kinh phí thực hiện

Điều 20. Tổ chức thực hiện

5. Một số điểm mới của Nghị quyết

So với các quy định trước đây, Nghị quyết số 92/2026/NQ-HĐND có một số nội dung mới như sau:

Thứ nhất, Nghị quyết đã chuẩn hóa và mở rộng toàn diện đối tượng áp dụng gắn liền với các ngành, lĩnh vực trọng điểm quyết định năng lực cạnh tranh. Khái niệm người có tài năng được định danh rõ ràng, bao gồm từ các nhà khoa học trẻ có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư, chuyên gia đầu ngành, nhà quản trị doanh nghiệp, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc cho đến những cá nhân có năng khiếu đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao. Thành phố phân định cụ thể danh mục các lĩnh vực ưu tiên thu hút theo các nhóm, trong đó Nhóm A tập trung vào các ngành quyết định năng lực cạnh tranh cốt lõi như khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, quy hoạch đô thị, quản trị công và hội nhập quốc tế. Việc xác định đối tượng đồng bộ này đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao được bố trí chính xác vào các mắt xích chiến lược của Thủ đô.

Thứ hai, phương thức thu hút được đa dạng hóa linh hoạt thông qua hai hình thức tuyển dụng và ký kết hợp đồng. Bên cạnh việc tiếp nhận vào làm công chức, viên chức theo quy định pháp luật, Nghị quyết tạo bước đột phá bằng cơ chế ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ công chức, nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý. Đối với hình thức hợp đồng, cơ quan sử dụng được chủ động đề xuất mức lương linh hoạt theo tháng (lên đến 50 lần mức lương tối thiểu vùng I/tháng) hoặc thực hiện theo phương thức thuê khoán công việc, sản phẩm. Quy định này tháo gỡ các rào cản về biên chế và thủ tục hành chính, giúp khu vực công của Thành phố dễ dàng tiếp cận nguồn lực chuyên gia giỏi.

Thứ ba, chính sách đãi ngộ, hỗ trợ tài chính đạt mức vượt trội và mang tính cạnh tranh cao so với mặt bằng chung. Đối với đối tượng tuyển dụng chính thức, Thành phố áp dụng chính sách hỗ trợ kinh phí một lần bằng tiền mặt với định mức rất cao, dao động từ 150 lần đến 1.000 lần mức lương tối thiểu vùng I tùy theo học hàm, học vị, đồng thời hỗ trợ 100% thuế thu nhập cá nhân đối với khoản kinh phí này. Ngoài ra, cơ chế kinh tế trong nghiên cứu được đẩy mạnh thông qua việc

cho phép nhân tài hưởng tối đa 30% lợi nhuận thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hoặc hưởng mức thu nhập khuyến khích bằng 5% tổng kinh phí ngân sách chi trả cho công trình (tối đa 300 lần mức lương tối thiểu vùng I). Đối với chuyên gia khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Thành phố còn áp dụng chính sách hỗ trợ một lần 100 lần mức lương tối thiểu vùng I và thưởng lớn cho các bằng độc quyền sáng chế được cấp tại Việt Nam hoặc quốc tế (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu).

Thứ tư, hệ thống chính sách an sinh, phúc lợi toàn diện được thiết kế đặc quyền dành cho người có tài năng và thân nhân. Thể hiện tư duy giữ chân nhân tài bằng sự ổn định cuộc sống, Nghị quyết quy định cụ thể các chính sách về nhà ở như: bố trí nhà ở công vụ, hỗ trợ tiền thuê nhà lên đến 04 hoặc 06 lần mức lương tối thiểu vùng I/tháng, đặc biệt là quyền ưu tiên mua, thuê mua nhà ở xã hội mà không cần đáp ứng các điều kiện thông thường của pháp luật hiện hành và được hỗ trợ tới 10% giá trị nhà. Bên cạnh đó, chế độ chăm sóc y tế miễn phí tại các bệnh viện công lập thuộc Thành phố, chính sách miễn toàn bộ học phí tại các cơ sở giáo dục công lập cho con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi, cùng với việc hỗ trợ 100% vé phương tiện vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn cho cả gia đình nhân tài là những đãi ngộ có tính đột phá chưa từng có.

Cuối cùng, Nghị quyết thiết lập cơ chế quản lý nghiêm túc, gắn quyền lợi với nghĩa vụ và trách nhiệm bồi hoàn. Đi đôi với ưu đãi, người được thu hút phải cam kết thời gian công tác tối thiểu là 05 năm (60 tháng) và chịu sự đánh giá định kỳ về kết quả đầu ra. Nghị quyết quy định rõ chế tài bồi hoàn kinh phí hỗ trợ ban đầu theo công thức tỷ lệ thuận với số tháng chưa cống hiến nếu nhân tài vi phạm cam kết, đơn phương chấm dứt hợp đồng, tự ý bỏ việc hoặc không hoàn thành nhiệm vụ 02 năm liên tiếp. Tuy nhiên, chính sách cũng thể hiện tính toàn diện khi miễn bồi hoàn cho các trường hợp bất khả kháng (bệnh hiểm nghèo, tai nạn, tử vong) và áp dụng giảm trừ 1,5% chi phí bồi hoàn cho mỗi năm công tác đối với các đối tượng ưu tiên như phụ nữ, người dân tộc thiểu số hoặc người có công./.

XII. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Quyết định số 73/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ thưởng của Thủ đô (Thực hiện điểm b khoản 6 Điều 21 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

1. Tên Quyết định

Quyết định số 73/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ thưởng của Thủ đô

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

(1) Cơ sở pháp lý:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;
- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán số 56/2024/QH15;
- Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;
- Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định nội dung chi từ nguồn thực hiện chính sách tiền lương, nguồn tăng thu ngân sách, nguồn thưởng vượt thu và bổ sung có mục tiêu từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố; việc thưởng vượt thu cho ngân sách cấp xã;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về việc sắp xếp, tổ chức lại, thành lập các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội;

(2) Cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

Thủ đô Hà Nội là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia; trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước. Trong giai đoạn phát triển mới, Hà Nội được xác định là cực tăng trưởng, động lực phát triển của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước, đồng thời hướng tới trở thành thành phố kết nối toàn cầu, phát triển theo hướng văn hiến, văn minh, hiện đại, thông minh và bền vững.

Để thực hiện các mục tiêu phát triển đó, Thành phố cần có các cơ chế, chính sách đủ mạnh nhằm khuyến khích, động viên và thu hút sự tham gia, đóng góp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, các nhà khoa học, chuyên gia, văn nghệ sĩ, vận động viên và các cá nhân tiêu biểu trong nước, quốc tế đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô.

Những năm gần đây, kinh tế - xã hội Thủ đô tiếp tục phát triển tích cực, quy mô thu ngân sách nhà nước trên địa bàn liên tục tăng cao và vượt dự toán được giao. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2024 đạt 511.928 tỷ đồng; năm 2025 đạt 704.579 tỷ đồng, tăng hơn 37% so với năm 2024. Kết quả này tạo điều kiện để Thành phố chủ động bố trí nguồn lực thực hiện các chính sách đặc thù, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên đối với các tập thể, cá nhân có thành tích, đóng góp nổi bật cho sự phát triển của Thủ đô.

Tuy nhiên, thực tiễn công tác thi đua, khen thưởng cho thấy mức tiền thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành chủ yếu mang tính động viên, khuyến khích, chưa thực sự tương xứng với giá trị, hiệu quả và tầm ảnh hưởng của những thành tích đặc biệt xuất sắc hoặc những đóng góp nổi trội cho sự phát triển của Thủ đô. Một số trường hợp có thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, văn hóa, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh, quản lý đô thị, bảo vệ môi trường, hội nhập quốc tế và các lĩnh vực khác đã tạo ra giá trị lớn cho xã hội nhưng chưa có cơ chế thưởng đủ mạnh để ghi nhận, tôn vinh và lan tỏa.

Bên cạnh đó, yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước đòi hỏi việc xét thưởng, chi thưởng phải được thực hiện kịp thời, linh hoạt, bảo đảm đúng đối tượng, đúng thành tích và phù hợp với thực tiễn phát triển của Thành phố. Việc hình thành Quỹ thưởng của Thủ đô sẽ tạo nguồn lực tài chính ổn định, chủ động để Thành phố thực hiện chính sách thưởng đối với các thành tích, đóng góp đặc biệt xuất sắc; đồng thời góp phần phát hiện, tôn vinh, khuyến khích các nhân tố mới, các mô hình hay, cách làm sáng tạo và những đóng góp có giá trị nổi bật cho sự phát triển Thủ đô.

Trên cơ sở các quy định của Luật Thủ đô và yêu cầu thực tiễn đặt ra, việc ban hành Quyết định thành lập Quỹ thưởng của Thủ đô và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ thưởng của Thủ đô là cần thiết nhằm cụ thể hóa cơ chế đặc thù của Thành phố, bảo đảm việc quản lý, sử dụng nguồn quỹ công khai, minh bạch, đúng mục đích, phát huy hiệu quả trong việc động viên, khuyến khích các tập thể, cá nhân tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội.

Do vậy, việc xây dựng Quyết định của UBND thành phố Hà Nội thành lập Quỹ thưởng của Thủ đô và ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ thưởng của Thủ đô là cần thiết và phù hợp với thực tiễn.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Việc ban hành Quyết định của UBND thành phố Hà Nội về thành lập Quỹ thưởng của Thủ đô và ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ thưởng của Thủ đô nhằm cụ thể hóa quy định tại điểm b khoản 6 Điều 21 Luật Thủ đô năm 2026 và các nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố có liên quan; tạo cơ sở pháp lý để hình thành, quản lý và sử dụng Quỹ thưởng của Thủ đô theo đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng đối tượng và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thành phố.

Quỹ thưởng của Thủ đô được thành lập nhằm kịp thời ghi nhận, tôn vinh, động viên, khuyến khích các tập thể, hộ gia đình, cá nhân trong nước và nước ngoài có thành tích, công lao đóng góp tiêu biểu, xuất sắc, đột phá trong sự nghiệp xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô; nhất là những đóng góp có giá trị thực tiễn cao, có tác động tích cực, sức lan tỏa lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường, quản lý đô thị, cải cách hành chính, quốc phòng - an ninh, hội nhập quốc tế và các lĩnh vực trọng tâm khác của Thành phố.

Việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ nhằm quy định rõ nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, thẩm quyền quyết định thưởng, quy trình xét thưởng, nguồn hình thành Quỹ, nội dung chi, mức chi và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; bảo đảm việc quản lý, sử dụng Quỹ công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp, không bình quân, cào bằng, không

lợi dụng chính sách để trục lợi và chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát theo quy định của pháp luật.

Thông qua việc thành lập và vận hành Quỹ thưởng của Thủ đô, Thành phố có thêm công cụ tài chính đặc thù để kịp thời phát hiện, tôn vinh, lan tỏa các nhân tố mới, mô hình hay, cách làm sáng tạo, thành tích đặc biệt xuất sắc; qua đó khơi dậy tinh thần cống hiến, thu hút nguồn lực chất lượng cao, tạo động lực thúc đẩy phát triển Thủ đô Hà Nội văn hiến, văn minh, hiện đại, thông minh, bền vững.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 14 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng Quỹ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thưởng, hủy bỏ quyết định thưởng và thu hồi tiền thưởng

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan quản lý Quỹ

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ, kế toán Quỹ và bộ phận chuyên môn tham mưu giúp Cơ quan quản lý Quỹ

Điều 7. Nội dung chi và mức chi

Điều 8. Điều kiện xét thưởng

Điều 9. Quy trình, thủ tục xét thưởng

Điều 10. Thời gian xét khen thưởng

Điều 11. Hủy bỏ quyết định thưởng và thu hồi tiền thưởng

Điều 12. Kiểm tra, giám sát, đánh giá, thanh tra, kiểm toán, trách nhiệm giải trình hoạt động của Quỹ

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Điều 14. Điều khoản thi hành

5. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

5.1. Đối tượng: Cơ quan, địa phương, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài nước có thành tích đặc biệt xuất sắc, thành tích xuất sắc đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô và có liên quan đến việc quản lý và sử dụng Quỹ thưởng của Thủ đô.

5.2. Phạm vi: Quy định về nguyên tắc quản lý và sử dụng Quỹ thưởng của Thủ đô; trong đó quy định cụ thể về bộ máy, điều kiện, quy trình xét quyết định thưởng và quyết định hủy bỏ, thu hồi tiền thưởng. Trách nhiệm của các cơ quan Thành phố trong quản lý và sử dụng Quỹ thưởng.

5.3. Các chính sách của Quy chế:

- Quỹ thưởng để chi thưởng cho các tập thể, hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài nước có thành tích đặc biệt xuất sắc, thành tích xuất sắc đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô, không trùng với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Luật Thi đua, Khen thưởng.

- Quy trình, thủ tục xét, quyết định thưởng: Quy định hồ sơ nộp điện tử và quy trình riêng đối với một số trường hợp đặc thù; đồng thời quy định rõ thời gian xét, quyết định thưởng nhằm đảm bảo tính kịp thời trong tôn vinh các tập thể, hộ gia đình, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc.

- Về hủy bỏ quyết định và thu hồi tiền thưởng: Quy chế quy định các trường hợp phải hủy bỏ quyết định thưởng và thu hồi tiền thưởng.

- Quy định cụ thể về việc quản lý, sử dụng Quỹ; cơ chế kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình trong quản lý và sử dụng Quỹ./.

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4448 /SNV-TT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

V/v xây dựng tài liệu Chuyên đề pháp luật và cử báo cáo viên để tuyên truyền, tập huấn các Nghị quyết triển khai thi hành Luật Thủ đô được thông qua tại Kỳ họp thứ 19 và 20 của HĐND Thành phố

Kính gửi: Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

Sở Nội vụ nhận được Công văn số 4471/STP-PBGDPL ngày 26/12/2024 của Sở Tư pháp về việc xây dựng tài liệu Chuyên đề pháp luật và cử báo cáo viên để tuyên truyền, tập huấn về các Nghị quyết triển khai thi hành Luật Thủ đô được thông qua tại Kỳ họp thứ 19 và 20 HĐND Thành phố.

Sau khi nghiên cứu, Sở Nội vụ xây dựng, hoàn thiện tài liệu Chuyên đề pháp luật để tuyên truyền, tập huấn về 08 Nghị quyết triển khai thi hành Luật Thủ đô được thông qua tại Kỳ họp thứ 19 và 20 HĐND Thành phố theo lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở và lập danh sách báo cáo viên (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Đề nghị Sở Tư pháp nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở Nội vụ;
- PGD SNV Đinh Mạnh Hùng;
- Lưu VT, TT (01b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đinh Mạnh Hùng

Phụ lục 1.
TÀI LIỆU CHUYÊN ĐỀ PHÁP LUẬT

I. Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND Thành phố

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố; thuộc UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (Hội nghị lần thứ 6) về Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/05/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020 (Luật ban hành văn bản quy phạm);

- Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024 (Luật Thủ đô);

- Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính (Nghị định 158/2018/NĐ-CP);

- Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Nghị định 24/2014/NĐ-CP);

- Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Nghị định 107/2020/NĐ-CP);

- Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (Nghị định 37/2014/NĐ-CP);

- Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Nghị định 108/2020/NĐ-CP).

2.2. Cơ sở thực tiễn

Luật Thủ đô quy định HĐND Thành phố có thẩm quyền quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố, thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố chưa được quy định hoặc khác với quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên (điểm c, điểm d khoản 4 Điều 9 Luật Thủ đô).

Để triển khai có hiệu quả Luật Thủ đô, đáp ứng yêu cầu phân cấp, phân quyền, chủ động trong quản lý tổ chức bộ máy, mục tiêu cải cách hành chính nhà nước, sắp xếp tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả, nhanh nhạy, kịp thời, việc ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố; các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc Thành phố là cần thiết.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

a) Khắc phục những vướng mắc, bất cập về tổ chức, bộ máy, giải quyết được vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình xây dựng và phát triển Thủ đô.

b) Các quy định này chưa được hoặc khác với các quy định tại các văn bản của Chính phủ, trên cơ sở điều chỉnh chức năng của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính hiện có.

c) Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể đối với các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc Thành phố phải đảm bảo nguyên tắc thống nhất, theo đúng quy định và đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, nhanh gọn, hiệu quả.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

a) Nguyên tắc chung:

- Bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện; tính thống nhất về quản lý ngành, lĩnh vực công tác.

- Không chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác.

- Bảo đảm mục tiêu cải cách hành chính nhà nước, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hợp lý, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả; chỉ thành lập trong trường hợp thật sự cần thiết do yêu cầu thực tiễn.

- Bảo đảm đúng điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Nghị quyết này.

- Trường hợp thành lập thêm cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thì bảo đảm tổng số cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố không vượt quá 15% khung số lượng do Chính phủ quy định; tổng số cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện không vượt quá 10% khung số lượng do Chính phủ quy định.

b) Quy định về thành lập:

b.1) Quy định về nội dung Tờ trình và Đề án thành lập cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố do UBND Thành phố trình HĐND Thành phố; Tờ trình và Đề án thành lập cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp huyện do UBND cấp huyện trình HĐND cấp huyện.

b.2) Về trình tự đề nghị thành lập

- Đối với cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố:

- Đối với cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp huyện:

c) Quy định về tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố, thuộc UBND cấp huyện:

c.1) Nội dung đề án, tờ trình tương tự như đề án, tờ trình thành lập và có bổ sung thêm một số nội dung

c.2) Hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết việc tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác được thực hiện như quy định đối với việc thành lập cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

- Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND thành phố Hà Nội được HĐND Thành phố quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể; được thành lập thêm không quá 15% khung số lượng do Chính phủ quy định

- Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp huyện được thành lập thêm không quá 10% khung số lượng do Chính phủ quy định.

II. Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND Thành phố

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, UBND Thành phố có 22 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND Thành phố quản lý (đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1); 307 đơn vị sự nghiệp thuộc các sở và các chi cục thuộc sở; 2282 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND quận, huyện, thị xã (đơn vị sự nghiệp công lập cấp 2, cấp 3).

Việc thành lập, tổ chức lại và giải thể đơn vị sự nghiệp công lập cấp 2, cấp 3 theo quy định hiện nay thuộc thẩm quyền quyết định của UBND Thành phố, đã được quy định cụ thể về điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ, Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND Thành phố và đang được áp dụng triển khai thực hiện.

Việc thành lập, tổ chức lại và giải thể các đơn vị sự nghiệp cấp 1 hiện nay thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quyết định (theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020). Khoản 3 Điều 10 của Luật Thủ đô được Quốc hội thông qua ngày 28/6/2024 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2025) quy định nhiệm vụ, quyền hạn của UBND Thành phố, cụ thể: *“Căn cứ vào nguyên tắc, điều kiện, tiêu chí thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật, quyết định thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố theo trình tự, thủ tục do HĐND Thành phố quy định”*, do vậy việc thành lập đơn vị sự nghiệp cấp 1 nêu trên sẽ thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố quyết định theo trình tự, thủ tục HĐND Thành phố quy định.

Bên cạnh đó, theo Nghị định 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ, việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập là sắp xếp, kiện toàn lại đơn vị sự nghiệp công lập dưới các hình thức: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; hoặc điều chỉnh tên gọi, vị trí, chức năng, nhiệm vụ để hình thành đơn vị sự nghiệp công lập mới. Do vậy, để triển khai việc thành lập, giải thể đơn vị sự nghiệp thuộc UBND Thành phố theo quy định tại Luật Thủ đô, các văn bản hướng dẫn hiện hành và đảm bảo xuyên suốt, tổng thể, thống nhất theo đặc thù của Thủ đô; góp phần giảm thiểu thời gian và thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng quản lý tổ chức, bộ máy, cần thiết phải xây dựng Nghị quyết ban hành quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

3.1. Mục đích

Nghị quyết quy định cụ thể trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội. Nghị quyết áp dụng đối tượng là các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội và cơ quan, đơn vị có liên quan.

3.2. Ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Nghị quyết này quy định cụ thể trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại giải thể đơn vị sự nghiệp thuộc UBND Thành phố đảm bảo kịp thời triển khai thi hành Luật Thủ đô; đồng bộ theo các văn bản hướng dẫn hiện hành, đảm bảo tính xuyên suốt, tổng thể, thống nhất theo đặc thù của Thủ đô.

Theo đó, việc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố được phân cấp cho Thành phố chủ động quyết định (không trình lên Thủ tướng như trước đây) góp phần giảm thiểu thời gian và thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng quản lý tổ chức, bộ máy.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

4.1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 3 Chương, 13 Điều, bao gồm:

Chương I: Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Chương II: Trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

Mục 1. Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập

Điều 3. Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 4. Tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 5. Lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức liên quan.

Điều 6. Thẩm định đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 7. Hồ sơ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 8. Thời hạn giải quyết việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

Mục 2. Tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

Điều 9. Đề án, tờ trình tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 10. Đề án, tờ trình giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 11. Hồ sơ, trình tự tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương III: Tổ chức thực hiện

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Điều 13. Hiệu lực thi hành.

4.2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

Quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố, bao gồm 2 phần cụ thể:

- Trình tự, thủ tục thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố.

- Trình tự, thủ tục tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố.

(Về trình tự, thủ tục cụ thể hóa bằng các Điều được sắp xếp theo thứ tự các bước thực hiện, quy định cụ thể các bước từ xây dựng dự thảo Đề án, Tờ trình thành lập, nội dung hồ sơ, nội dung thẩm định, Quyết định thành lập, thời hạn giải quyết xử lý hồ sơ).

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

Theo quy định pháp luật hiện hành, việc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sẽ phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Việc Thủ đô Hà Nội được phân cấp chủ động trong quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập góp phần giảm thiểu thời gian và thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng quản lý tổ chức, bộ máy.

III. Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND Thành phố

1. Tên gọi Nghị quyết

Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của HĐND Thành phố quy định biện pháp thực hiện việc chuyển cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn thành cán bộ, công chức biên chế hành chính; việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Sự cần thiết

a) Về pháp lý

- Khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô quy định:

“Cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn là cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức thuộc biên chế hành chính được giao hằng năm cho cấp huyện, được bầu cử, tuyển dụng, quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức”.

- Điểm a khoản 3 Điều 52 Luật Thủ đô quy định:

“HĐND, UBND, Chủ tịch UBND các cấp của Thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây: Kịp thời ban hành văn bản quy định chi tiết các điều, khoản, điểm được giao trong Luật Thủ đô, quy định biện pháp tổ chức thực hiện Luật Thủ đô theo thẩm quyền”.

- Khoản 2 Điều 27 Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”

b) Về thực tiễn

- Đối với đội ngũ cán bộ làm việc tại xã, phường, thị trấn:

Hiện tại, đội ngũ cán bộ làm việc tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 ngày 6 tháng 2023 của Chính phủ là cán bộ được bầu cử, chưa được bổ nhiệm ngạch công chức (chỉ được xếp lương theo ngạch). Một số đồng chí chưa đạt chuẩn theo quy định (chưa có trình độ chuyên môn đại học), hoặc giữ chức danh cán bộ khi đã nghỉ hưu.

- Đối với công chức phường:

Đội ngũ công chức phường đang thực hiện thí điểm chuyển thành công chức hành chính, được bổ nhiệm ngạch công chức theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025). Công chức phường do UBND quận, thị xã tuyển dụng. Việc sử dụng công chức phường chưa có tính liên thông: Khi thực hiện điều động, luân chuyển công chức phường đến cơ quan chuyên môn từ cấp huyện trở lên vẫn phải thực hiện việc kiểm tra sự phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

- Đội ngũ công chức làm việc tại xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố chưa được bổ nhiệm ngạch công chức (chỉ được xếp lương theo ngạch). Công chức làm việc tại xã, thị trấn do UBND huyện, thị xã tuyển dụng. Một số công chức xã, thị trấn chưa có trình độ chuyên môn đại học theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Để chuyển cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn thành cán bộ, công chức thuộc biên chế hành chính đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định hiện hành; thực hiện tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, việc ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố có tính chất quy phạm pháp luật để thực hiện lâu dài việc chuyển cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn thành cán bộ, công chức thuộc biên chế hành chính; việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội là cần thiết.

2.2. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (Hội nghị lần thứ 6) về Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020 (Luật Ban hành văn bản quy phạm);

- Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024 (Luật Thủ đô);

- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, được sửa đổi bổ sung một số Điều tại Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ;

- Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

3.1. Mục đích, ý nghĩa

- Việc chuyển cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn thành cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức thuộc biên chế hành chính được giao hàng năm cho quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội; việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội phải đảm bảo nguyên tắc thống nhất, theo đúng quy định và đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, nhanh gọn, hiệu quả.

- Các nội dung này chưa được quy định hoặc khác với các quy định tại các văn bản của Chính phủ.

- Khắc phục những vướng mắc, bất cập, giải quyết được vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình xây dựng và phát triển Thủ đô.

3.2. Tác động

- Do thực hiện nghiêm Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026, trong khi khối lượng công việc ngày càng tăng, bình quân số lượng công chức so tương ứng với số dân của Hà Nội chỉ bằng khoảng 1/3 so với bình quân của cả nước. Vì vậy, áp lực, cường độ công việc của công chức Hà Nội là rất cao. Tình trạng công chức thôi việc, nghỉ việc, chuyển ra khỏi khu vực nhà nước trong những năm gần đây ngày một gia tăng, dẫn đến thiếu hụt công chức làm việc tại một số thời điểm nhất định (cho đến khi tuyển dụng mới). Do đó, việc Luật Thủ đô năm 2024 có quy định cho phép chuyển cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn thành công chức hành chính nhằm tháo gỡ những khó khăn, bất cập nêu trên.

- Nghị quyết này quy định biện pháp thực hiện việc chuyển cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn thành cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức thuộc biên chế hành chính được giao hàng năm cho quận, huyện, thị

xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội; việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đối tượng áp dụng: Cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Việc cho phép chuyển cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn thành công chức hành chính sẽ giải tỏa bớt áp lực thiếu biên chế công chức của Hà Nội, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước của Chính quyền Thủ đô. Đồng thời, cho phép người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính chủ động trong sử dụng nhân lực theo giai đoạn, lựa chọn người phù hợp điều kiện chuyên môn và đáp ứng ngay yêu cầu công việc (không phải qua tập sự).

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

a) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh, nguyên tắc thực hiện

b) Chuyển cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn vào biên chế hành chính cấp huyện

- Điều kiện, tiêu chuẩn chung: Theo quy định hiện hành của pháp luật về cán bộ, công chức, điều lệ tổ chức và quy định của Đảng, của tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; không đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, không đang trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng, của pháp luật;

- Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể của cán bộ: Trong độ tuổi lao động, còn ít nhất thời gian công tác 01 nhiệm kỳ. Trường hợp đặc biệt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ; trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên, trừ trường hợp có quy định khác của Đảng, của luật chuyên ngành, của các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; trình độ lý luận chính trị: Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên, hoặc theo quy định của cấp có thẩm quyền; các tiêu chuẩn khác theo quy định của Đảng, của tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ; đủ tiêu chuẩn về ngạch công chức chuyên ngành hành chính (có bằng cấp chuyên môn và chứng chỉ phù hợp, theo quy định của ngạch công chức).

c) Trình tự, thủ tục chuyển cán bộ xã, phường, thị trấn; công chức xã, thị trấn (được tuyển dụng theo quy định trước ngày 01 tháng 01 năm 2025) vào biên chế hành chính cấp huyện

- Sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án bố trí nhân sự ứng cử; được bầu cử giữ chức vụ, bổ nhiệm chức danh; nếu đủ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định, cán bộ xã, phường, thị trấn; công chức xã, thị trấn được xem xét bổ nhiệm ngạch công chức, được xếp lương phù hợp trình độ đào tạo:

Ban Tổ chức Thành ủy thẩm định và bổ nhiệm ngạch, xếp lương công chức đối với cán bộ Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các Đoàn thể chính trị - xã hội. Sở Nội vụ thẩm định và bổ nhiệm ngạch, xếp lương công chức đối với các chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã, thị trấn; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã, thị trấn; công chức xã, thị trấn.

- Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm ngạch và xếp lương công chức bao gồm: Sơ yếu lý lịch cán bộ, công chức theo quy định được lập trong thời hạn 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ, có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác; bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch công chức; giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ; bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận, có xác nhận của cơ quan quản lý về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác; bản sao Quyết định phê chuẩn, chuẩn y chức vụ cán bộ, Quyết định tuyển dụng công chức của cơ quan có thẩm quyền.

d) Tuyển dụng cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn

- Căn cứ, điều kiện, thẩm quyền, hình thức, tuyển dụng

- Thi tuyển

- Xét tuyển, tiếp nhận

đ) Quản lý cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn

- Sử dụng, quản lý

- Luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ xã, phường, thị trấn (trừ các chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã, thị trấn; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã, thị trấn)

- Luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với các chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã, thị trấn; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã, thị trấn; công chức xã, thị trấn

- Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn

- Quản lý biên chế

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

So sánh điểm mới quy định Luật Thủ đô năm 2012 về cùng nội dung thuộc lĩnh vực và quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

- So sánh với Luật Thủ đô năm 2012 về cùng nội dung thuộc lĩnh vực: Luật Thủ đô năm 2012 không có quy định về nội dung này.

- So sánh với quy định pháp luật hiện hành: Khoản 1 Điều 18 Nghị định 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức quy định: Trong các đối tượng tiếp nhận vào làm công chức có bao gồm cán bộ, công chức cấp xã. Tuy nhiên việc này chỉ thực hiện ở phạm vi hạn chế.

IV. Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND Thành phố

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết quy định về việc thực hiện hợp đồng có thời hạn để đảm nhiệm một số vị trí việc làm thuộc nhóm nghiệp vụ chuyên ngành, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố, UBND cấp huyện.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý

Ngày 18/10/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1557/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “*Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức*” có một nội dung mang tính đột phá: “*Từng bước đổi mới chế độ công vụ, công chức theo hướng năng động, linh hoạt. Trước mắt, nghiên cứu quy định cho phép các cơ quan hành chính được ký hợp đồng lao động có thời hạn tối đa là 1 năm đối với một số vị trí để đáp ứng ngay yêu cầu của hoạt động công vụ. Về lâu dài, cần nghiên cứu sửa Luật cán bộ, công chức theo hướng có chế độ công chức hợp đồng.*”

Ngày 18/7/2022, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 40-KL/TW về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026, trong đó nêu rõ chủ trương tiếp tục tinh giản ít nhất 5% biên chế cán bộ, công chức và ít nhất 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước; biên chế được giao giai đoạn 2022 - 2026 không bao gồm lao động hợp đồng. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị tự quyết định việc sử dụng hợp đồng lao động và trả lương, phụ cấp cho lao động hợp đồng theo quy định từ ngân sách chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

Ngày 28/6/2024, Quốc hội khoá XV, kỳ họp thứ 7 đã thông qua Luật Thủ đô. Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025; trong đó tại khoản 2 Điều 15 quy định: “*Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố, Chủ tịch UBND cấp huyện được ký hợp đồng có thời hạn với người đáp ứng các điều kiện chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhiệm một số vị trí việc làm thuộc nhóm nghiệp vụ chuyên ngành, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố, thuộc UBND cấp huyện*” và tại khoản 4 Điều 15 quy định: “*HĐND Thành phố quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này*”.

Để đảm bảo thống nhất, giải quyết đồng bộ các chính sách và thể chế hóa đầy đủ quan điểm chủ trương của Đảng, chính sách của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thực hiện chủ trương tinh giản biên chế nhưng vẫn đảm bảo có đủ nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng tăng, việc ban hành Nghị quyết về hợp đồng có thời hạn để đảm nhiệm một số vị trí việc làm thuộc nhóm nghiệp vụ chuyên ngành, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố, thuộc UBND cấp huyện là rất cần thiết.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm gần đây, kinh tế - xã hội của Thủ đô đã có những bước phát triển vượt bậc, mang tầm vóc của một đô thị lớn trong khu vực và trên thế giới. Cùng với đó, yêu cầu về khối lượng, chất lượng công việc đối với các cơ quan, tổ chức hành chính ngày càng cao hơn.

Trong bối cảnh đó, thực hiện nghiêm Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026, thời gian vừa qua, Thành phố Hà Nội đã thực hiện tinh giản 10% biên chế công chức giai đoạn 2015-2021 và tiếp tục thực hiện tinh giản 05% biên chế công chức giai đoạn 2022-2026. Căn cứ vào số liệu báo cáo tại niên giám thống kê và các quyết định giao biên chế công chức của Bộ Chính trị năm 2024 cho thấy: tỷ lệ công chức/người dân của cả nước là 01 công chức/750 người dân; của các cơ quan hành chính thuộc UBND thành phố Hà Nội là 01 công chức/1.139 người dân. Như vậy, tỷ lệ công chức/người dân của Hà Nội thấp hơn cả nước khoảng 1,5 lần. Để đảm bảo bằng mức trung bình của cả nước theo tinh thần Luật Thủ đô, các cơ quan hành chính của Hà Nội cần được giao bổ sung khoảng 3.000 biên chế công chức.

Mặt khác, tình trạng công chức thôi việc, chuyển ra khỏi khu vực công trong những năm gần đây ngày một gia tăng, dẫn đến thiếu hụt công chức làm việc tại một số thời điểm. Hàng năm, mặc dù Thành phố đều thực hiện tổ chức tuyển dụng công chức với nhiều hình thức như thi tuyển, xét tuyển để bổ sung đối với các vị trí việc làm còn thiếu do nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác.... Tuy nhiên, số lượng công chức trúng tuyển vẫn còn thấp hơn so với chỉ tiêu tuyển dụng. Thêm vào đó, vì một số lý do (nghỉ thai sản, ốm đau, đi học tập, công tác dài ngày, đi nước ngoài theo chế độ phu nhân/phụ quân ngoại giao) nên số lượng công chức thực tế làm việc giảm.

Tổng hợp các yếu tố trên dẫn đến nhiều vị trí việc làm của công chức bị quá tải do khối lượng công việc lớn, tính chất phức tạp tăng, yêu cầu cải cách hành chính rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. Vì vậy, cường độ lao động cũng như áp lực công việc đối với công chức Hà Nội là rất cao. Trong khi đó, quy định hiện hành của pháp luật¹ không cho phép các cơ quan hành chính được ký hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ dẫn đến nhiều cơ quan, đơn vị còn chỉ tiêu biên chế nhưng không có người làm việc do chưa tuyển đủ hoặc tuyển nhưng không được.

Từ thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết về hợp đồng có thời hạn để đảm nhiệm một số vị trí việc làm thuộc nhóm nghiệp vụ chuyên ngành, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố, thuộc UBND cấp huyện nhằm tháo gỡ những khó khăn, bất cập nêu trên là rất cần thiết.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

3.1. Mục đích

Mục đích xây dựng Nghị quyết là nhằm tiếp tục thể chế hóa chủ trương đã được đề ra tại Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; thực hiện nhiệm vụ được giao tại Luật Thủ đô (khoản 4 Điều 15), nhằm chi tiết khoản 2 Điều 15 Luật Thủ đô, giải quyết các bất cập, vướng mắc trong thực tiễn, nâng cao tính chủ động, hiệu quả

¹ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

trong công tác quản lý, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; tạo cơ sở pháp lý cho việc ký kết hợp đồng có thời hạn thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các tổ chức hành chính. Qua đó, giúp bổ sung kịp thời nhân lực thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố, UBND cấp huyện, góp phần nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền Thành phố.

3.2. Ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Một là, thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ vào quy định của Thành phố, trong đó chú trọng quan điểm “Các cơ quan, tổ chức, đơn vị tự quyết định việc sử dụng hợp đồng lao động và trả lương, phụ cấp cho lao động hợp đồng theo quy định từ ngân sách chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị” tại Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị.

Hai là, trong khi chưa được Bộ Chính trị giao bổ sung biên chế công chức, để đáp ứng yêu cầu nhân lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ ngày càng tăng, cho phép các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác được ký kết hợp đồng lao động có thời hạn đối với một số vị trí việc làm để đáp ứng ngay yêu cầu của hoạt động công vụ.

Ba là, xác định rõ nguồn kinh phí chi trả cho đối tượng ký kết hợp đồng theo từng đối tượng, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định và tiết kiệm, hiệu quả;

Bốn là, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho Thủ trưởng sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã trong việc lựa chọn và quyết định ký hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng ngay yêu cầu nhiệm vụ, nhất là những việc mới, phức tạp, khối lượng lớn, yêu cầu cấp bách.

Năm là, đảm bảo đúng quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật; kế thừa các quy định hiện hành, bảo đảm sự đồng bộ với các quy định về tổ chức bộ máy và các luật có liên quan.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

4.1. Bố cục

Nghị quyết gồm 12 điều, 01 phụ lục.

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.
- Điều 2. Đối tượng áp dụng.
- Điều 3. Các công việc được thực hiện hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ.
- Điều 4. Các trường hợp được ký hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ.
- Điều 5. Hình thức, thời hạn hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ.
- Điều 6. Thẩm quyền ký hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ
- Điều 7. Tiêu chuẩn, điều kiện của người được ký hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ
- Điều 8. Quy trình ký hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ

- Điều 9. Quyền, nghĩa vụ của người có thẩm quyền ký kết hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ
- Điều 10. Quyền, nghĩa vụ của người được ký hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ
- Điều 11. Kinh phí thực hiện.
- Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.
- Phụ lục (mẫu hợp đồng).

4.2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết ban hành kèm theo Quy định chi tiết về phạm vi, đối tượng áp dụng; các công việc được ký hợp đồng; nguyên tắc, hình thức ký, thẩm quyền ký; quy trình ký; nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên để các cơ quan, đơn vị thực hiện đồng bộ, thống nhất, thuận lợi cho kiểm tra, kiểm soát. Nội dung chính của Nghị quyết cần quan tâm, đó là các trường hợp ký hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ, cụ thể như sau:

- *Ký hợp đồng để bổ sung nhân lực khi chưa tuyển đủ biên chế công chức so với chỉ tiêu biên chế công chức được giao.*
- *Trường hợp cơ quan hành chính có công chức nghỉ thai sản; nghỉ ốm đau, đi học tập, công tác dài ngày từ 3 tháng trở lên; đi nước ngoài theo chế độ phu nhân/phu quân ngoại giao thì được ký hợp đồng để thực hiện nhiệm vụ của vị trí việc làm khuyết thiếu.*
- *Trường hợp cơ quan hành chính có khối lượng công việc tăng do yêu cầu thực tiễn hoặc được cấp có thẩm quyền giao bổ sung chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy mới thì được giao bổ sung chỉ tiêu hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ.*
- *Trường hợp có nhiệm vụ mới, phức tạp, khối lượng lớn hoặc yêu cầu cấp bách cần thiết phải ký kết hợp đồng với người có kinh nghiệm, chuyên môn sâu thì cơ quan hành chính ký hợp đồng có thời hạn để thực hiện nhiệm vụ.*

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

Theo quy định pháp luật hiện hành, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố, UBND cấp huyện không được ký hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ. Đồng thời, biên chế công chức được giao của thành phố Hà Nội đang thấp hơn đáng kể so với bình quân chung của cả nước dẫn đến áp lực giải quyết công việc đối với đội ngũ công chức Thủ đô. Do đó, việc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố, UBND cấp huyện thuộc Thủ đô Hà Nội được phép ký và xác định chỉ tiêu hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ chính là một giải pháp quan trọng trong việc bổ sung kịp thời nhân lực làm việc tại các cơ quan hành chính của chính quyền Thủ đô.

V. Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND Thành phố

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND Thành phố về việc ban hành quy định UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp, ủy quyền cho các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc UBND Thành phố, Giám đốc các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc UBND Thành phố.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Luật Xây dựng ngày 15 tháng 7 năm 2020;

- Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024 (Khoản 1, khoản 6, Điều 14).

2.2. Cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

Trong thời gian qua, công tác quản lý nhà nước đối với chính quyền địa phương đã từng bước được đổi mới thông qua những nỗ lực hoàn thiện thể chế, mô hình tổ chức bộ máy, chất lượng cán bộ, công chức và phương thức hoạt động. Phân cấp, ủy quyền tạo được động lực, tính chủ động giải quyết nhiệm vụ, sát với thực tiễn, giảm tầng nấc trung gian, TTHC rườm rà; phù hợp hơn với nhu cầu, nguyện vọng của người dân, doanh nghiệp và xã hội.

Thành phố Hà Nội đã đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền và đạt được những kết quả quan trọng và tạo ra những chuyển biến tích cực trong hoạt động của chính quyền các cấp ở Thành phố. Nhiều TTHC được Thành phố phân cấp, ủy quyền cho địa phương giải quyết đã giảm thời gian, khâu trung gian, phục vụ kịp thời, tốt hơn cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân được phân cấp, ủy quyền có trách nhiệm cao hơn đối với việc phục vụ và đáp ứng nhu cầu, yêu cầu của Nhân dân, từ đó, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quản lý nhà nước ở địa phương.

Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố có vai trò quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ công thiết yếu, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và thúc đẩy sự phát triển bền vững của Thành phố. Việc phát huy tối đa vai trò của các đơn vị sự nghiệp công lập sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng

Thủ đô ngày càng phát triển, hiện đại và văn minh. Phân cấp, ủy quyền cho đơn vị sự nghiệp công lập và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập là một trong những nội dung quan trọng trong quản lý nhà nước. Nhà nước đã có quy định về phân cấp quản lý cho các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị này có thể chủ động hơn trong hoạt động và phát huy tính năng động, sáng tạo của người đứng đầu các đơn vị; giúp các đơn vị chủ động hơn trong việc xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động chuyên môn, tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, phạm vi, nội dung phân cấp, ủy quyền vẫn còn hạn chế và chưa đồng đều giữa các lĩnh vực, cơ quan, đơn vị; nhiều nội dung, nhiệm vụ cụ thể của đơn vị sự nghiệp phải qua phê duyệt của các Sở và tương đương Sở gây khó khăn, chậm trễ trong tổ chức thực hiện của các đơn vị sự nghiệp. Nhiều đơn vị sự nghiệp công lập vẫn phải phụ thuộc lớn vào các quyết định từ cơ quan hành chính cấp trên, dẫn đến việc thiếu linh hoạt trong quản lý và ra quyết định. Một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố đã được giao nhiệm vụ, tuy nhiên, khi triển khai các công việc cụ thể vẫn phải trình các Sở và cơ quan tương đương Sở có liên quan để thẩm định và phê duyệt, phát sinh thêm tầng nấc trung gian, kéo dài thời gian thực hiện và trách nhiệm không rõ ràng.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Việc tiếp tục mở rộng phân cấp, ủy quyền cho đơn vị sự nghiệp công lập, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được quyền quyết định những nhiệm vụ không trái các quy định của pháp luật và quy trình công tác theo Khoản 6, Điều 14, Luật Thủ đô (Luật số 39/2024/QH15) là yêu cầu khách quan, nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 7 Điều, các nội dung được trình bày, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn UBND Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được phân cấp, ủy quyền cho các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc UBND Thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc phân, cấp ủy quyền

- Tuân thủ các quy định của pháp luật; đảm bảo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.
- Phân cấp, ủy quyền rõ nhiệm vụ, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm; cơ quan, đơn vị, cá nhân được phân cấp, ủy quyền và nhận phân cấp, ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các nội dung thực hiện phân cấp, ủy quyền.

- Người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại đối với các nội dung, nhiệm vụ nhận ủy quyền.

- Đảm bảo đủ các nguồn lực và các điều kiện cần thiết khác trong quá trình thực hiện.

- Phân cấp, ủy quyền để tăng quyền tự chủ cho các đơn vị trong việc quản trị đơn vị và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

Điều 4: Phân cấp cho các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc UBND Thành phố

Căn cứ vào yêu cầu công tác, khả năng thực hiện và điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương, đơn vị, UBND Thành phố được phân cấp cho các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc UBND Thành phố một số nội dung, nhiệm vụ sau:

- Đề xuất các nội dung đầu tư trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án và dự toán chi phí thuê tư vấn nước ngoài.

- Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở.

Điều 5: Ủy quyền cho các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc UBND Thành phố, Giám đốc các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc UBND Thành phố.

Trong trường hợp cần thiết, trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể, UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố được ủy quyền cho các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc UBND Thành phố, Giám đốc các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc UBND Thành phố thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ sau:

- Lập và trình phê duyệt dự án, tổ chức lựa chọn nhà thầu, thực hiện quản lý hợp đồng đối với dự án PPP.

- Thực hiện công tác thẩm định các nhiệm vụ về đo đạc, cắm mốc.

- Trình UBND Thành phố quyết định đầu tư đối với một số dự án nhóm B, nhóm C.

- Phê duyệt và điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Chấm dứt hợp đồng đối với nhà thầu vi phạm hợp đồng, không còn đủ năng lực và chỉ định đơn vị có năng lực, kinh nghiệm tiếp tục thực hiện phần công việc còn lại của hợp đồng.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

- UBND Thành phố:

- + Căn cứ Nghị quyết của HĐND Thành phố, UBND Thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND Thành phố theo đúng quy định, đạt hiệu quả cao nhất. Hằng năm rà soát, điều chỉnh, bổ sung, đánh giá kết quả nội dung phân cấp, ủy quyền cho các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

+ Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố tham mưu UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố các quy định phân cấp, các quyết định ủy quyền cho các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố đối với một hoặc một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể tại Điều 4, Điều 5, Nghị quyết này nếu đủ điều kiện và khả thi.

+ Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện hướng dẫn, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố để thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền; thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân cấp, ủy quyền.

+ Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát để phân cấp, ủy quyền cho các Ban Quản lý dự án thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc các Ban Quản lý dự án thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện để chủ động giải quyết và rà soát, bổ sung, cập nhật hằng năm.

- Giao Thường trực HĐND Thành phố, các Ban của HĐND Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hà Nội phối hợp trong công tác tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết đã được HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

- UBND, Chủ tịch UBND Thành phố thực hiện phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của mình để tăng quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc quản trị đơn vị và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công;

- UBND Thành phố có thể ủy quyền cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố hoặc UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND Thành phố có thể ủy quyền cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể.

VI. Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND Thành phố

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND Thành phố về việc ban hành Quy định ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của Chủ tịch UBND cấp xã cho công chức thuộc UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024 (Khoản 4, khoản 6, Điều 14).

2.2. Cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

Thời gian qua, công tác quản lý nhà nước đối với chính quyền địa phương đã từng bước được đổi mới thông qua những nỗ lực hoàn thiện thể chế; mô hình tổ chức, bộ máy; chất lượng cán bộ, công chức và phương thức hoạt động. Phân cấp, ủy quyền tạo được động lực, tính chủ động, giải quyết nhiệm vụ sát với thực tiễn, giảm tầng nấc trung gian, TTHC rườm rà, giúp cho các hoạt động quản lý gắn với cơ sở, qua đó sát hơn với nhiệm vụ, với công việc, giảm bớt tình trạng quan liêu và phù hợp hơn với nhu cầu, nguyện vọng của người dân, doanh nghiệp và xã hội.

Thành phố Hà Nội đã đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền và đạt được những kết quả quan trọng, tạo ra những chuyển biến tích cực trong hoạt động của chính quyền các cấp ở Thành phố. Nhiều TTHC được Thành phố phân cấp, ủy quyền cho địa phương giải quyết đã giảm thời gian, khâu trung gian, phục vụ kịp thời, tốt hơn cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân được phân cấp, ủy quyền có trách nhiệm cao hơn, từ đó, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quản lý nhà nước ở địa phương.

Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định Chủ tịch UBND phường được ủy quyền cho công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện ký chứng thực và chứng thực chữ ký, sau 3 năm thực hiện, việc ủy quyền đã góp phần rút ngắn thời gian giải quyết TTHC tại các phường, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức thực hiện các TTHC, giúp giảm đầu mối, lược bỏ các bước xử lý nội bộ, tạo điều kiện để công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ động hơn trong việc bố trí thời gian giải quyết công việc, giảm áp lực công việc và tăng thời gian giải quyết các công việc khác cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Việc tiếp tục mở rộng ủy quyền giải quyết TTHC của Chủ tịch UBND cấp xã cho công chức thuộc UBND cấp xã theo quy định tại Khoản 4, Khoản 6, Điều 14, Luật Thủ đô là yêu cầu khách quan, cần thiết nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở; nâng cao trách nhiệm của công chức cấp xã.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 4 Chương, 10 Điều, các nội dung được trình bày, cụ thể như sau:

Chương I: Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính cho công chức thuộc UBND cấp xã trên địa bàn Thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, công chức thuộc UBND cấp xã trên địa bàn Thành phố.

- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến các nội dung ủy quyền cho công chức thuộc UBND cấp xã trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc ủy quyền

- Tuân thủ các quy định của pháp luật; đảm bảo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

- Đảm bảo rõ nhiệm vụ, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm; Cá nhân và công chức nhận ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với việc thực hiện ủy quyền.

- Công chức nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho cá nhân khác thực hiện nội dung đã được ủy quyền.

- Đảm bảo đủ nguồn lực và điều kiện cần thiết khác trong quá trình thực hiện.

Chương II: Một số thủ tục hành chính ủy quyền cho công chức thuộc UBND cấp xã

Điều 4. Lĩnh vực Chứng thực

Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền cho công chức Tư pháp - Hộ tịch giải quyết các thủ tục hành chính sau:

- Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận;

- Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản theo quy định của pháp luật, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch.

Điều 5. Lĩnh vực Văn hóa

Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền cho công chức Văn hóa - Xã hội giải quyết các thủ tục hành chính sau:

- Thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng;
- Sáp nhập, hợp nhất, chia tách thư viện đối với thư viện cộng đồng;
- Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng.

Điều 6. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội

Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền cho công chức Văn hóa - Xã hội giải quyết thủ tục hành chính sau: Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật.

Chương III: Quyền hạn, trách nhiệm và mức chi hỗ trợ cho công chức

Điều 7. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã.

- Quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

+ Quyết định việc ủy quyền cho công chức trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn tại Quy định này. Thời hạn ủy quyền tối đa 36 tháng; hết thời hạn ủy quyền, nếu các căn cứ không thay đổi và việc ủy quyền đánh giá có hiệu quả, tiếp tục thực hiện ủy quyền.

+ Ban hành Quyết định thu hồi hoặc thay đổi quyết định ủy quyền trong trường hợp cần thiết, đặc biệt khi việc thực hiện ủy quyền không còn phù hợp hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Việc thu hồi hoặc thay đổi ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản và thông báo cho công chức được ủy quyền và các bên liên quan, công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện, UBND cấp xã và trụ sở UBND cấp xã.

- Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

+ Xác định rõ nội dung, phạm vi, đối tượng và thời hạn ủy quyền trong văn bản ủy quyền.

+ Hướng dẫn, đảm bảo các điều kiện, quyền lợi đầy đủ, hợp pháp trong quá trình công chức thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết để công chức thực hiện chính xác và hiệu quả các nhiệm vụ được ủy quyền.

+ Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện ủy quyền để kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các sai sót, vi phạm (nếu có).

+ Xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện ủy quyền và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ đã ủy quyền.

+ Thường xuyên rà soát các văn bản ủy quyền và điều chỉnh nếu thấy các vấn đề bất cập hoặc khi công chức được ủy quyền không đủ năng lực, không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao. Báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện đối với các trường hợp thu hồi hoặc thay đổi quyết định ủy quyền.

Điều 8. Quyền hạn và trách nhiệm của công chức thuộc UBND cấp xã được ủy quyền.

- Quyền hạn của công chức thuộc UBND cấp xã được ủy quyền:

+ Được xử lý và quyết định về hồ sơ thuộc các lĩnh vực được ủy quyền.

+ Được yêu cầu và phối hợp với các cơ quan, cá nhân liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo các nhiệm vụ được giải quyết đúng quy định.

+ Được đưa ra quyết định, giải pháp hoặc biện pháp xử lý đối với các vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, phù hợp với quy định pháp luật và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

+ Từ chối thực hiện nhiệm vụ không thuộc phạm vi ủy quyền và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để có ý kiến chỉ đạo trong các tình huống vượt quá thẩm quyền hoặc có nội dung phức tạp cần giải quyết.

+ Đề xuất các giải pháp, biện pháp hoặc kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền.

+ Được bảo vệ về mặt pháp lý và quyền lợi cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo nội dung được ủy quyền.

+ Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và chế độ hỗ trợ theo quy định.

- Trách nhiệm của công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền

+ Thực hiện đúng nội dung, phạm vi, thời hạn ủy quyền.

+ Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và pháp luật về nhiệm vụ được ủy quyền. Trường hợp để xảy ra sai sót, vi phạm pháp luật hoặc gây thiệt hại do thực hiện không đúng nhiệm vụ được ủy quyền, công chức được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

+ Đảm bảo tính hợp pháp, chính xác và minh bạch trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

+ Định kỳ báo cáo và thông tin đầy đủ, kịp thời cho Ủy ban nhân dân, Chủ tịch UBND cấp xã kết quả thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền, đặc biệt là những vấn đề phát sinh hoặc các quyết định quan trọng.

+ Bảo mật thông tin và giữ gìn tài sản liên quan đến nhiệm vụ được ủy quyền.

Điều 9. Mức chi hỗ trợ hằng tháng cho công chức được ủy quyền.

- Mức hỗ trợ hằng tháng đối với công chức được ủy quyền tại Khoản 4, khoản 6, Điều 14 Luật Thủ đô bằng 15% mức lương cơ sở/người/tháng.

- Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách quận, huyện, thị xã.

Chương IV: Tổ chức thực hiện

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

- UBND Thành phố:

+ Căn cứ Nghị quyết của HĐND Thành phố, UBND Thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND Thành phố theo đúng quy định. Thường xuyên rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung nội dung ủy quyền.

+ Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với nội dung ủy quyền của Chủ tịch UBND cấp xã cho công chức thuộc UBND cấp xã; hằng năm rà soát, đề xuất các nội dung ủy quyền cho công chức cấp xã báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét, quyết định.

- Thường trực HĐND Thành phố, các Ban của HĐND Thành phố, các Tổ đại biểu HĐND Thành phố và đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

- Tiếp tục thực hiện quy định Chủ tịch UBND phường được ủy quyền cho công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản theo quy định của pháp luật, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch và mở rộng việc thực hiện tại UBND xã trên địa bàn toàn Thành phố;

- Mở rộng ủy quyền của Chủ tịch UBND cấp xã cho công chức thuộc UBND cấp xã một số lĩnh vực, TTHC khác:

+ Lĩnh vực Văn hóa: Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền cho công chức Văn hóa - Xã hội giải quyết các TTHC sau: Thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng; Sáp nhập, hợp nhất, chia tách thư viện đối với thư viện cộng đồng; Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng.

+ Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền cho công chức Văn hóa - Xã hội giải quyết TTHC sau: Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật.

VII. Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND Thành phố

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND thành phố Hà Nội về danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 và Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số

77/2015/QH13;

- Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 ngày 15/6/2022; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

- Luật Thủ đô (Luật số 39/2024/QH15) ngày 28/6/2024.

2.2. Cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

Thực hiện Điều 7 Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013, HĐND thành phố Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND thành phố Hà Nội về thẩm quyền, điều kiện, thủ tục tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô Hà Nội. Đây là danh hiệu của thành phố Hà Nội tặng thưởng cho các cá nhân người nước ngoài có đóng góp xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô hoặc mở rộng, tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị, quan hệ hợp tác quốc tế của Thủ đô vì mục tiêu hòa bình, tiến bộ xã hội; tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Từ năm 2013 đến nay, Thành phố đã xét, tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô Hà Nội cho 18 cá nhân là người nước ngoài. Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu thấy được sự vinh dự, tự hào được sự quan tâm của thành phố Hà Nội đối với đóng góp cống hiến của cá nhân vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của Thủ đô.

Việc tổ chức trao tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô Hà Nội được tổ chức trong nước và tại nước ngoài nơi cá nhân đang cư trú. Việc tổ chức trao tặng trang trọng, đảm bảo đúng nghi thức ngoại giao, đối ngoại của Trung ương và Thành phố.

Tuy nhiên, Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 và Điều 7 Luật Thủ đô (Luật số 39/2024/QH15) có nhiều điểm mới liên quan đến việc quy định về nguyên tắc xét tặng, điều kiện xét tặng, hồ sơ, quy trình, hình thức trao tặng, quyền lợi của cá nhân được trao tặng, quy trình, thủ tục thu hồi danh hiệu đối với các cá nhân vi phạm điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố và giữa các văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố với nhau.

Do vậy, việc ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố về danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô là cần thiết đảm bảo đúng quy định của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Thủ đô năm 2024 và thay thế Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND thành phố Hà Nội về thẩm quyền, điều kiện, thủ tục tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô Hà Nội.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Nghị quyết về danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô nhằm mục đích tôn vinh, ghi nhận công lao đóng góp của cá nhân là người nước ngoài có đóng góp đặc biệt trong sự nghiệp xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô hoặc trong việc thiết lập, mở rộng, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị, quan hệ hợp tác quốc tế của Thủ đô.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 12 Điều quy định về xét tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô, gồm các nội dung cơ bản sau:

1. Đối tượng áp dụng:

(1) Cá nhân là người nước ngoài được xét tặng nếu có đủ điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

(2) Sở, ban, ngành; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã; các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố; các cơ quan, đơn vị của Trung ương và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế ở trong nước và nước ngoài là cơ quan, đơn vị, tổ chức xét, giới thiệu, trình tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô.

2. Nguyên tắc xét tặng:

(1) Việc xét tặng danh hiệu đảm bảo chính xác, công khai, minh bạch, kịp thời.

(2) Mỗi cá nhân chỉ được tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô một lần, không áp dụng hình thức truy tặng.

3. Điều kiện xét tặng:

Danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô tặng cho cá nhân người nước ngoài đủ các điều kiện sau:

(1) Tuân thủ Hiến pháp, luật pháp, các quy định của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

(2) Có đóng góp đặc biệt trong xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô hoặc trong việc thiết lập, mở rộng, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị, quan hệ hợp tác quốc tế của Thủ đô.

4. Quy trình xét tặng:

(1) Sở, ban, ngành; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã; các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố: xét, trình UBND thành phố Hà Nội.

(2) Cơ quan, đơn vị của Trung ương và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế ở trong nước và nước ngoài: xét, có văn bản giới thiệu và đề nghị UBND thành phố Hà Nội.

(3) Sở Nội vụ thành phố Hà Nội:

a) Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, xin ý kiến: Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an; các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố quản lý liên quan đến lĩnh vực hoạt động của cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu.

b) Báo cáo xin ý kiến cấp có thẩm quyền theo quy định về cá nhân dự kiến đề nghị tặng thưởng.

c) Tổng hợp, trình UBND thành phố Hà Nội.

(4) Trong trường hợp đặc biệt, Sở Nội vụ thành phố Hà Nội đề xuất UBND thành phố

Hà Nội báo cáo xin ý kiến cấp có thẩm quyền trước khi quyết định tặng thưởng.

5. Hồ sơ đề nghị xét tặng:

(1) Tờ trình, văn bản của cơ quan, đơn vị, tổ chức đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xét tặng gửi về Sở Nội vụ thành phố Hà Nội.

(2) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân có xác nhận của cơ quan, đơn vị trình, giới thiệu. Trường hợp đặc biệt, cơ quan, tổ chức xét trình khen thưởng trích ngang tóm tắt thành tích của cá nhân đề nghị xét tặng về chịu trách nhiệm về thành tích cá nhân đề nghị xét tặng.

(3) Các hồ sơ minh chứng có liên quan (nếu có).

6. Quyền lợi cá nhân được tặng danh hiệu:

(1) Cá nhân được tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô được hưởng các quyền lợi sau:

a) Được tặng Huy hiệu, Bằng công nhận Công dân danh dự Thủ đô (theo mẫu kèm theo) và tặng phẩm lưu niệm “Biểu tượng của Thủ đô”.

b) Được mời tham dự các sự kiện quan trọng của Thủ đô do thành phố Hà Nội tổ chức.

c) Được miễn phí sử dụng các dịch vụ công ích do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quản lý.

d) Khi đến Thủ đô được Thành phố bố trí nghi lễ đối ngoại theo Đề án tổ chức đón tiếp được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật và Thành phố.

(2) Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô có trách nhiệm tiếp tục gìn giữ, phát huy thành tích đã đạt được.

7. Hình thức trao tặng:

(1) Lễ trao tặng cho các cá nhân được nhận danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô được tổ chức kết hợp vào dịp kỷ niệm ngày Giải phóng Thủ đô (10/10) hoặc kỷ niệm các ngày lễ lớn của Thủ đô hằng năm.

(2) Đối với cá nhân được nhận danh hiệu đang cư trú, làm việc tại Hà Nội nhưng không đến dự lễ trao tặng được:

Thành phố tổ chức đoàn công tác, phối hợp với đơn vị nơi cá nhân đang làm việc để tổ chức trao tặng đảm bảo trang trọng và phù hợp với điều kiện thực tế.

(3) Đối với cá nhân được nhận danh hiệu đang cư trú, làm việc ở các tỉnh, thành khác ở trong nước nhưng không đến dự lễ trao tặng tại Hà Nội:

Thành phố tổ chức trao tặng vào dịp các đoàn công tác của lãnh đạo Thành phố đến công tác tại nơi cá nhân đang cư trú, làm việc hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có văn bản gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành nơi cá nhân đang cư trú, làm việc để phối hợp tổ chức trao tặng đảm bảo trang trọng và phù hợp với điều kiện thực tế.

(4) Đối với cá nhân được nhận danh hiệu đang cư trú, làm việc ngoài nước nhưng không đến dự lễ trao tặng tại Hà Nội:

Thành phố tổ chức trao tặng vào dịp các đoàn công tác của lãnh đạo Thành phố đến công tác tại nơi cá nhân đang cư trú, làm việc hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có văn bản gửi Bộ Ngoại giao đề nghị người đứng đầu Đại sứ quán hoặc người đứng đầu Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài nơi cá nhân đang cư trú, làm việc để phối hợp tổ chức trao tặng đảm bảo trang trọng và phù hợp với điều kiện thực tế.

8. Thu hồi danh hiệu:

(1) Cá nhân đã được tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô nhưng sau khi trao tặng danh hiệu phát hiện cá nhân không đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này thì bị hủy bỏ quyết định, thu hồi danh hiệu.

(2) Việc thu hồi danh hiệu được thực hiện bằng quyết định hành chính gửi tới cá nhân bị thu hồi và thông báo tới cơ quan ngoại giao mà cá nhân đó mang quốc tịch và Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để biết.

(3) Cá nhân bị thu hồi danh hiệu sẽ không được hưởng các quyền lợi theo điểm b, c, d khoản 1 Điều 8 Nghị quyết này kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi.

(4) Hồ sơ, quy trình đề nghị thu hồi danh hiệu: Thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định của Thành phố.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

Cơ bản kế thừa các nội dung của Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND thành phố Hà Nội về thẩm quyền, điều kiện, thủ tục tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô Hà Nội.

Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND đã quy định rõ hơn về đối tượng áp dụng, quy trình xét tặng, bổ sung thêm quyền lợi của các cá nhân được xét tặng và cụ thể các hình thức trao tặng.

VIII. Nghị quyết số 46/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên thuộc Thành phố Hà Nội quản lý.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý

- Khoản 3 Điều 15 Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024 quy định: “Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Mặt

trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên thuộc Thành phố quản lý được hưởng thu nhập tăng thêm căn cứ theo năng lực, hiệu quả công việc”; khoản 1 Điều 35 quy định HĐND Thành phố được “Quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư sau khi đã bảo đảm đủ nguồn để thực hiện cải cách tiền lương cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền và bảo đảm các chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội do trung ương ban hành để thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức; tổng mức chi không vượt quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Thành phố”;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

2.2. Sự cần thiết

Trong những năm gần đây, Thủ đô đã có bước phát triển mạnh mẽ. Thu ngân sách năm 2023 tăng 20% so với năm 2022, vượt 13,5% dự toán. Thành phố đã chủ động chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi thường xuyên và thực hiện tốt công tác an sinh xã hội; ngoài ra Thành phố còn chi hỗ trợ các địa phương bạn và dự phòng thực hiện các chương trình, mục tiêu khác.

Đóng góp vào sự phát triển chung của Thủ đô, có công sức không nhỏ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố. Mặc dù trong bối cảnh dân số ngày càng tăng; mức độ, tính chất công việc phức tạp; công tác cải cách hành chính yêu cầu rút ngắn thời gian giải quyết, khối lượng công việc nhiều, dẫn đến một số vị trí việc làm quá tải. Tuy nhiên, chỉ số giá tiêu dùng của Thủ đô cao hơn các tỉnh, thành trong cả nước trong khi mức lương bình quân của cán bộ, công chức, viên chức Thành phố được hưởng như các địa phương khác; không phù hợp, tương xứng với nhiệm vụ thực hiện; tiền lương của nhiều cán bộ, công chức, viên chức không đủ trang trải chi phí cuộc sống.

Căn cứ khoản 3 Điều 15 và điểm a khoản 1 Điều 35 Luật Thủ đô, Thành phố được sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư sau khi đã bảo đảm đủ nguồn để thực hiện cải cách tiền lương cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền và bảo đảm các chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội do Trung ương ban hành để thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức căn cứ năng lực và hiệu quả công việc sẽ khuyến khích được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc hiệu quả hơn.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Nghị quyết quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên thuộc Thành phố quản lý đảm bảo khách quan, công bằng, gắn với hiệu quả công việc, không cào bằng, cơ bản đảm bảo chỉ số giá tiêu dùng tại Thủ đô, giúp động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hơn nữa hiệu quả công việc, góp phần vào sự phát triển của Thành phố và thực hiện đúng quy định tại Luật Thủ đô.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

4.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên thuộc thành phố Hà Nội quản lý và người đã được bổ nhiệm, tuyển dụng là cán bộ lãnh đạo quản lý, công chức, viên chức hiện đang làm việc tại các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

4.2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan Đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên thuộc thành phố Hà Nội quản lý.

Người đã được bổ nhiệm, tuyển dụng là cán bộ lãnh đạo quản lý, công chức, viên chức hiện đang làm việc tại các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của thành phố Hà Nội.

b) Cơ quan Đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên thuộc thành phố Hà Nội quản lý.

4.3 Nguyên tắc

a) Nguyên tắc sử dụng nguồn ngân sách để chi thu nhập tăng thêm

Sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư sau khi đã đảm bảo đủ nguồn để thực hiện cải cách tiền lương cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền và bảo đảm các chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội do

Trung ương ban hành để thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý.

b) Nguyên tắc phân bổ chi thu nhập tăng thêm

- Mức chi thu nhập tăng thêm căn cứ năng lực, hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị do Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm đánh giá theo quy định.

- Việc thực hiện chi thu nhập tăng thêm phải bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch.

4.4. Phương án chi thu nhập tăng thêm

Chi thu nhập tăng thêm của cơ quan, đơn vị thực hiện theo phương án như sau:

- 0,5 lần quỹ lương cơ bản để chi thu nhập tăng thêm hằng tháng cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức hiện có của cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng được hưởng theo ngạch bậc, chức vụ.

- 0,3 lần quỹ lương cơ bản còn lại để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị được đánh giá, xếp loại hằng năm từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cụ thể hóa phương án chi đối với cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá, xếp loại hằng năm đảm bảo việc chi thu nhập tăng thêm theo nguyên tắc của Nghị quyết và quy định của Luật Thủ đô.

5. Điều mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành:

Đây là lần đầu tiên Thành phố thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị thuộc Thành phố quản lý.

- Nguồn kinh phí chi thu nhập tăng thêm được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách các cấp sau khi đã bảo đảm đủ nguồn để thực hiện cải cách tiền lương cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền và bảo đảm các chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội do Trung ương ban hành.

Nguồn kinh phí chi thu nhập tăng thêm của cơ quan, đơn vị bằng quỹ lương cơ bản (gồm lương theo ngạch bậc, chức vụ) nhân với mức trích do HĐND Thành phố quyết định.

- Mức trích để tạo nguồn kinh phí thực hiện chi thu nhập tăng thêm năm 2025 bằng 0,8 lần quỹ lương cơ bản.

- Kết thúc năm 2025, căn cứ nguồn cải cách tiền lương còn dư sau khi đảm bảo nguồn để thực hiện cải cách tiền lương cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định, UBND Thành phố báo cáo, đề xuất HĐND Thành phố xem xét, quyết định mức trích để tạo nguồn kinh phí thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố cho những năm tiếp theo nhưng không vượt quá 0,8 lần.